Năm thứ nhất — Số 28 Thứ sáu, 19 Décembre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY:

Những ông nghè triều Lê (IV) — *Nguyễn văn-Tố*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (IX) — *Ứng-Hoè*
Một đạo dụ của vua Quang-Tự nhà Thanh — *Biệt-Lam Trần-huy-Bá*
Đọc quyển « Nguyễn-trường-Tộ » — *Kiều-thanh-Quế*
Lý Chiêu-Hoàng (kịch lịch-sử bằng thơ) — *Phan-khắc-Khoan*
Nam-dương quần-đảo — *Nhật-Nham*
Trước khi tranh giải thể-thao... — *Hoa-Nam Phan-kỳ-Nông*
Những ngày lịch-sử trong tháng Décembre (II) — *Long-Điền Nguyễn-Văn-Minh*
Tả-quân Lê-văn-Duyệt — *Nhật-Nham*
Thoát cung vua Mạc (IV) — *Chu-Thiên*
Phê-bình văn-học — *Hoa-Bằng*
Phong dao chia loại và giải nghĩa (VI) — *H. B.*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 — 6 tháng 3$50 — 3 tháng 1$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

HOA-BẰNG

NỘI trong các thứ nghệ-thuật, văn-học đáng kể là có tư-cách giá hơn hết và có ý-vị sâu-xa hơn hết. Văn-học chẳng những ban cho người ta những món học-thức và trí-tuệ, mà lại giúp cho thoát khỏi những cái kém-cỏi, thô-lỗ, thấp-hèn...

Văn-học chẳng phải chỉ riêng đứng về giai-cấp trí-thức, song cũng thuộc về quần-chúng nữa.

Văn-học là bạn-hữu thân-mật của hết thảy mọi hạng người; là món sinh-hoạt hằng ngày phải cần dùng đến. Nó kể cho ta những chuyện cổ-tích truyền-tụng từ đời nọ qua đời kia, nó diễn cho ta những vở kịch hi-kỳ kinh-ngạc, nó trình-bày với ta hoặc những nghị-luận cứng-cỏi đanh thép, hoặc những tình-cảm chan-chứa sâu-xa, hoặc những lý-luận có hệ-thống, có phương-pháp....

Tùy theo tâm-ý của quần-chúng, văn-học cung-cấp cho mỗi người riêng một phương-diện, cho nên chính bản-thân nó đạt lên được đến địa-vị tột cao.

◆

Kết-quả của sự nghiên-cứu văn-học nảy ra một thứ phê-bình có hệ-thống và tạo thành một loạt nhà phê-bình chuyên-tâm nghiên-cứu văn-học.

Giá không nghiên-cứu thì không thể phê-bình. Giá không phê-bình cái đã nghiên cứu thì cũng không gọi là biết được tinh-tường, thấu-triệt, đến chốn đến nơi. Cho nên phê-bình và nghiên-cứu thường vẫn đi đôi, chứ không thể lìa nhau được.

Qui-tắc dùng để phê-bình cũng không trọng yếu cho lắm. Vì mỗi thời-đại có qui-tắc của một thời-đại, mỗi dân-tộc có qui tắc của một dân-tộc, thường thường đổi thay, chứ không phải theo một qui-tắc nhất-định nào cả. Điều cần nhất là nhà phê-bình phải cố giữ có con mắt công-bình, đúng-chắc, quán-xuyến, phải có tấm lòng thành-thực, đồng-tình và tối-kỵ là có thiên kiến.

Tài-liệu của nhà phê-bình là tác-phẩm văn-học; mục-đích của nhà phê-bình là vận-động văn-học; trách-nhậm của nhà phê-bình là chẳng những thẩm-định giá trị hơn, kém của các tác-phẩm văn-học, mà lại cốt quan-sát cái xu-hướng của nghệ-thuật và văn-học, rồi vận-dụng cái ngón cao quý của nhà phê-bình.

◆

Ở Tây-phương, người ta nói về phê-bình đã nhiều lắm.

Lucien Bulusfeld có nói: *« Không bao giờ được dùng sự thù hằn vào việc phê-bình . . . Khi phê-bình, trung thực là một đặc sắc rất hiếm. Trung thực khi người ta nói những điều đã nghĩ, hoặc đừng nghĩ trắng lại viết ra đen; song thế cũng chưa đủ. Trung thực là sự cố sức để nghĩ cho đúng ».*

Ý nói: phê bình phải cốt thật thà, chứ đừng nhìn đối tượng bị phê bình bằng con mắt thù ghét hoặc thiên lệch.

La Bruyère cũng viết: *« Phê-bình là một nghề mà người phụng sự nó cần có nhiều lực hơn nhiều trí, cần làm việc nhiều hơn cần có học lực cao, cần tập-quán hơn cần thiên tài ».*

Thế là La Bruyère cho rằng trong nghề phê bình, trước phải cần có những tư cách như *lực-lượng, sự làm việc* và *thói quen*, rồi mới đến *trí khôn, sức học* và *thiên tài.*

Nhưng vì người ta ít khi cầm vững ngòi bút phê-bình cho được công chính, nên nhìn đến cảnh tượng phê-bình, nhà học-giả Gustave Lanson đã phải lên tiếng phàn nàn: *« Hiện thời thể văn phê-bình đương gặp hồi khủng-hoảng. Hầu hết trên mặt báo chí, thể văn phê bình đã phải nhường chỗ cho thể văn phóng sự . . . Vì tình bạn-hữu, người ta khen; vì sự thù hằn, người ta mạt sát... »*

◆

Phàm những nhà phê-bình chân-chính đều phải có tinh-thần này: bụng-dạ phải rộng-rãi, thái-độ phải thẳng-thắn, công-bằng. Khi phê-bình, phải căn-cứ vào cuộc tiến-hóa của văn-học, phải vận-dụng tinh thần khoa-học cho hợp với nhu-cầu của thời-đại.

Nhậm vụ của nhà phê-bình là phải đem tác-phẩm văn-học và vận-động văn-học tối-tân mà giới-thiệu cho đồng-bào. Đồng thời, nhà phê-bình lại phải dùng phương-pháp phê-bình thích-đáng để gây hứng-thú và mùi-mẽ cho da-số độc-

Xem tiếp trang 23

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 9

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XXVI

Thày đồ dạy học (1)

(Bài phú của Nguyễn - Khuyến, Tam-nguyên Yên-đổ)

BỐN cóng kê giường, ba chồng cặp sách ; cơm trắng canh ngon, giường cao chiếu sạch ; chữ « thánh phù », câu « thiên tích » ; chậu thau rửa mặt tầm váo tầm vênh, điếu sứ long đờm cóc-ca cóc-cách ; thần Kiêu-kỵ xôi gà tùy thích, ông đã nên ông, bụt Nam-sang oản tẻ chẳng từ, khách thì mặc khách.

Nguyên phù thày đồ dã, râu-ria nhẵn-nhụi, mặt mũi ngông-nghênh ; văn pha *Nguyên-mặc*, sách học *Quan-hành* ; số tử-vi Tuần Tiệt đứng đầu, qua vòng vận hạn, đắt văn-học thần đồng phụ nhĩ, mới bước công-danh.

Nhiên nhi bụng lính tính quan, khôn nhà dại chợ ; chơi dã hoang-toàng, tính hay sàm-sứa; một tháng lương non, căm gan thóc nợ. Vách ông Khổng còn hòm khoa-đầu, mở một vài con, ngõ thày Nhan treo túi đan bầu, bảo năm ba đứa. Nón sơn úp ngực, đi liều đi liều, bút thủy cài tai, sướng chưa sướng chửa ! Nghĩ đến sềnh nhà ra thất nghiệp, cũng bật buồn cười : ô hay ngồi mát ăn bát đầy, có muốn không hử ?

Rằng : « tôi nhà chủ, xin đón thày ngồi ». Giầu nước đoạn, rượu chè rồi, bàn tiền đón, tính công nuôi. Chủ rằng : « Đạo Thánh là đạo rộng ». Sư rằng : « Tùy ông còn tùy tôi ». Mặt chữ điền vác hẳn lên trên, nết đâu có nết ; chiếu hàm-trượng tót ngay vào giữa, ngôi đã nên ngôi. Mĩ hĩ ông đồ ông lề, học trò học trẹt, chơi nghịch bằng ma, đòn đánh như két ; bộ sử đầu, pho *Dương tiết* ; hỏi mẹo lục kỳ, ca bài tam kiệt ; chữ tứ thể đã nhận thừa bốn lối, nét rắn như đanh, sách thập khoa đà nhớ đủ mười bài, văn trơ những thép.

Mô tê răng rứa, dã dả chi hồ ; hoặc cầm roi nhi quát tháo, hoặc điểm sách nhi ngắt câu. Sử-tiên-ban sứ-tiên-cung, bắt khoan bắt nhặt, tiền diệc tặc, hậu diệc tặc, tiếng nhỏ tiếng to (2). Thày dốt kinh khôn, ngay quay ra góc, tiền tầy rượu cấn, hiền quá hóa ngu ; nước chè Tàu tuôn một vài hơi, mặt cán tàn chi hướng, thuốc lá tỉnh hút năm ba khói, đầu tán lọng chi dù.

Nhĩ kỳ xem chữ xem văn, điểm bài điểm đối, lên mặt thày sồ như bằm bầu, bưng mắt chủ khuyên như lòi tói. Hạ bút xuống nào tô tô điểm điểm, mực trát đen sì, dở bài ra những đọc đọc ngâm ngâm, son hòa đỏ chói. Đánh trống qua cửa nhà sấm, đem chuông đi đấm nước người ; gắt như con khỉ, cười như đười ươi ; rượu tít cung thang, trặc ba hoa chi miệng, văn gàn bát sách, rung chữ ngũ chi đùi. Xin rước thánh nhân về, đem kinh truyện rũ vài thiên sách cổ, ước chi nhà chủ bận, hoãn tháng ngày cho rộng lúc đi chơi.

Dĩ nhi khăn chít đầu rìu, quần buông lá tọa ; vuốt bụng nằm mèo, nhe răng nói quạ, cổ cò ngóng gái, phụng thỉnh Như-lai, tay vịt vẽ bùa, phó lô thiêu hóa. Cầm quyển sách ngủ gà ngủ vịt, đầu canh hai dã chực đi nằm, bước ra ngoài mắt trước mắt sau, cỗ bàn nhất toan ngồi đánh cả.

Cũng có lúc việc làng việc họ, về cửa về nhà, bàn đương-đởm, tính phù trà ; sư nèo cố thêm rằm tiền nữa, chủ kỳ-kèo đem mấy đồng ra ; ruột tượng thắt lưng nguyên đồ rận đói, khăn tay giắt rõn rặt giống cau già. Vợ con mừng thày cháu dã về, đầu nhà quẹt mách, cha mẹ ước con ta hầu tới, trước mặt nhện sa. Cực nỗi người mặt nước chân mây, miệng canh chếnh choáng, kề chuyện chủ đầu cua tai ếch, chén rượu hề-hà.

(Trích ở *Quốc-văn tùng-ký*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác cổ, số A B 383, quyển hạ, tờ 14 a-15 a.)

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine

(Septembre 1939 — Jain 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

Số xuân Tri-Tân (Nhâm-ngọ, 1942)

Bài-vở, do những cây bút đứng-đắn viết ;
Trình-bày, do họa-sĩ Trịnh-Vân trông-coi...

Tri-Tân, số *XUÂN NHÂM-NGỌ* này, từ tinh-thần đến hình-thức, sẽ làm vừa ý các bạn đọc thân-yêu.

XXVII

Nam công cánh phượng

Đá ấy là xương, cỏ ấy lông,
Giời nam đứng giữa, gọi Nam-công.
Kìa giai bóng rợp, dân muôn dặm,
Dương cánh che phò giời chín trùng.
Lóng-lánh kiền-khôn thế-giới,
Nghênh-ngang xuân, hạ, thu, đông.
Đã nên cảnh vật ngoài điền-dã,
Ngóng cổ trông về đất nổi rồng.

(Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-Cổ, số A B 296, tờ 17a).

XXVIII

Nam-sang Võ-nương

Lơ-thơ cỗ miếu xóm đầu ghềnh,
Tới đấy thương nàng nỗi cách sinh.
Bát-ngát hồn hoa khi nhạt phấn (3)
Bâng-khuâng phách quế thuở gieo doành.
Dở-dang thêm tủi oan lòng thắm !
Tất-tả nào khuây trách bóng xanh !
Dù nhẫn chê chàng chăng ý chớ,
Còn giời, còn đất hãy còn danh.
Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, tờ 17b-18a) (4).

XXIX

Dật-thú

Lởm chởm che sương một tấm nhà,
Nửa thì làm liễu, nửa làm hoa.
Lon-xon quét-tước vài thằng trẻ,
Lích-kích cơm canh một mụ già.
Đạo nhuốm tấc màu vui khi-khỏm,
Rượu tiên vài chen thở hi-ha.
Chờ khi gió mát giăng thanh tỏ,
Lại một mình ta biết sư ta.

◆

Nghìn dặm quan san nẻo khối nhà,
Trường-an lắm khách ngụ đây la ?
Và gian lều dột giăng thấu,
Nửa bức rèm thưa gió qua.
Những ước công-danh nên thuở trẻ,
Nào ngờ tuổi-tác đã ban già ?
Thế-tình ai nấy đà khinh-dể,
Còn trọng chăng con nó gọi cha !

◆

Một nén hương thơm một chén trà,
Lấy làm xong vết tháng ngày qua.
Nhạn đem thu tới sân đầy tuyết,
Anh quyến xuân về cửa rặt hoa.
Giật trướng ngày thanh kìa thiếu nữ,
Dòm song đêm vắng nọ Hằng-nga.
Năm ba phiến sách son cùng mực,
Truyền để cho con ấy của cha.

(Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, tờ 18a — 19a)

Vịnh kính thi

Đúc giọt khen ai khéo đặng xong,
Kiền khôn muôn tượng ngụ đầy trong.
Khuôn tròn văng-vẳng cung giăng hiện,
Thức bạc dời-dời vựng tuyết đông.
Lánh khách bụi hồng khi gấm phủ,
Tỏ người mặt ngọc thuở sa song.
Nguyền xin thánh đức bằng gương sáng,
Bốn bề đâu là chẳng ngóng trông ?

(Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp - lục tờ 19 a).

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYEN-VĂN-TỐ
biên tập

1) Chưa ai in những bài này ra quốc-ngữ.

2) Nói lái và nói thì thào.

3) Có người đọc là : « Bát - ngát hồn hoa khi dã phấn ».

4) Nên đem bài vịnh Võ-thị, viết vào hồi Lê-mạt (khoảng năm 1650-1780), so với bài « đề miếu bà Trương » (tức là Võ-thị) của vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) chép trong *Việt-âm tham khảo* (*sách chữ nôm của Bác-cổ, số A B 386, tờ 2b*) :

Nghi-ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chi cho lụy đến nàng !
Chứng quả có đôi vừng nhật nguyệt,
Giải oan chi mượn đến đàn - tràng !
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ-phàng !

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 *món*	0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bổn : chữ Hán, quốc - âm, quốc-văn	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A-Di-Đà	0.20
Phật Pháp vỡ lòng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc luân đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, vân-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5.50

Gởi mandat, phụ thêm 10 ½. cước phí.

Địa chỉ : Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

Những ông nghè triều Lê

SỐ 4

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

1. — *Nguyễn-Trực* (1417-1473), tên tự là Công-Đĩnh, người ở xã Bối-khê (Thanh-oai). Cha là Thời-Trung, giỏi về phong-thủy (địa lý), thấy ở Nghĩa-bang (Yên-sơn) có đất hay, hỏi con gái họ Đỗ ở làng ấy, làm nhà ở đấy, rồi sinh được ông ở am núi Phật-tích. Ông có khiếu thông minh, bé mà chăm-chỉ : mười hai tuổi đã biết làm văn, mười tám tuổi lĩnh hương tiến thứ nhì ở Sơn-tây. Hai mươi sáu tuổi (1442) đỗ đầu đệ nhất giáp tiến-sĩ, trước là khai-quốc trạng-nguyên (1). Năm Nhân-Tôn Thái-hòa (1443-1454) làm Hàn-lâm-học-sĩ, Võ-kỵ-úy, rồi được phong làm An-phủ-sứ ở Nam-sách, thăng Hàn-lâm-viện thị-giảng, kiêm Ngự-tiền học-sinh, hai cục thị-cận và thị-ngự-tiền, làm Trung-thư thị-lang, vâng mệnh đi sứ Tàu (2) ; gặp kỳ thi, ông là bồi-thần, xin ứng-cử, lại đỗ tiến-sĩ cập-đệ, cho nên đời bấy giờ gọi là « lưỡng quốc trạng-nguyên ». Năm Diên-ninh thứ hai (1455), nhà có tang, ông về quê : học-trò bốn phương theo đến học kể hàng nghìn. Hết trở, có sứ nhà Minh sang, vua Nhân-Tôn (1442 1459) sai ông làm những văn-thư đi lại và làm biểu mừng vua Tàu lên ngôi. Vua sai thợ vẽ vẽ tượng ông để bên tả bên hữu. Ông thường đi sứ Tàu có họa 50 bài thơ tiễn biệt với sứ nhà Minh. Vua Nhân-Tôn gặp biến, ông làm văn tế, nhời rất thương-xót. Vua Thánh-Tôn lên ngôi (1460), càng trọng ông về từ-chương. Năm Quang-thuận thứ hai (1461) cho ông làm Tuyên-phụng đại-phu Trung-thư-lệnh, tri Tam-quán-sự, đại-liêu-ban. Quyển *Lịch-triều hiến-chương* có sao một bài thơ của ông, đưới bàn rằng : « Xem như thế, có thể tưởng-tượng được cái phong-độ khí-khái của ông ». Năm Hồng-đức thứ tư (1473), thăng Gia-hạnh đại-phu, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, kiêm quốc-tử-giám tế-tửu. Năm ấy mất, thọ năm mươi bảy tuổi. Bình-sinh có làm quyển *Vân-liêu tập* (*Đăng-khoa lục* chép là *Bối-khê thi-tập*). Học-trò thường gọi là « Vân-liêu tiên-sinh ». Ông là người đỗ cao, được trọng-dụng, mà công-danh coi hờ-hững, thường có ý « cấp-lưu dũng-thoái », Thật là người cao-thượng (theo *Lịch-triều hiến-chương* và *Đại-Nam nhất thống chí*).

2. — *Nguyễn-như-Đỗ* (1424-1526), tên tự là Mạnh-an, người ở châu (hay xã) Đại-lan (Thanh-trì ; *Đăng khoa lục* và *Lê-triều lịch-khoa Tiến-sĩ* viết là Thanh-đàm ; bia Văn-miếu khắc là Thanh-trì). Ngụ ở Tử-dương (Thượng-phúc) mười chín tuổi đỗ hội-nguyên khoa nhâm-tuất (1442), điện-thí đỗ thứ hai đệ nhất giáp tiến-sĩ, tức là khai-quốc bảng-nhỡn. Mùa đông năm Thái-Hòa quí-hợi (1443) làm Hàn-lâm tri-chế-cáo, vâng mệnh làm phó sứ sang nhà Minh để tạ ơn việc sứ Tàu sang tế vua Thái-Tôn Văn-hoàng (1433-1442). Lúc về, thiên làm An phủ ở lộ Qui hóa. Năm kỷ tỵ (1449) thăng Trực họa sĩ. Mùa đông năm canh ngọ (1450) lại sung làm cống bộ phó sứ. Năm Diên ninh kỷ mão (1459) là lần thứ ba sang cống nhà Minh và dãi tỏ về việc mò hạt châu. Thánh Tôn lên ngôi (1460) yêu mến đạo nho, ông được trọng dụng cử làm thượng thư bộ lại : lúc bấy giờ mới 37 tuổi. Sau làm môn hạ tả tư, tả giám nghị đại phu, trì Bắc-đạo quân-dân bạ-tịch, kiêm hàn-lâm-viện thừa-chỉ học-sĩ, tiến kiêm Lễ-bộ thượng-thư, Cần-đức điện đại-học-sĩ, Thái-tử tân-khách. Ông làm đề-điệu hai khoa điện-thí, là khoa bính-tuất (1466) và khoa kỷ-sửu (1469), và giữ Thuyên-tào. Mùa đông năm Hồng-đức canh-dần (1470), bỗ giá đi đánh Chiêm-thành, không được bao lâu bị tội, rồi lại được vời ra làm ở bộ Lại, vua gia cho làm Thiếu-bảo, kiêm quốc-tử-giám tế-tửu. Được hơn mười năm về trí-sĩ. Mất khoảng năm Thống-nguyên (1526), thọ một trăm hai tuổi. Khoảng năm Thái-hòa (1443 - 1454) phụng sắc soạn bài văn bia hoàng-thân Võ-mục-công ở miếu Nam-giới ; ông có làm một tập thơ, không rõ có còn hay không (theo *Lịch-triều hiến-chương*, quyển 7). *xem tiếp trang 13*

1) *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 3 b) và *Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi ký* (sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 5b) viết nhầm là « hai mươi tuổi ».

2) Những phẩm-trật chép ra đây, mới xem thì có vẻ rườm-rà, nhưng thiết-tưởng cũng là tài-liệu bổ-ích cho sự nghiên-cứu quan-chế đời xưa.

Mảnh sử - liệu

Một đạo-dụ của vua Thanh có quan-hệ đến trang Việt-sử cận-đại

MUỐN biết cách hành-động của triều - đình Mãn - thanh đối - phó với quân Pháp khi kéo ra lấy Bắc-kỳ lần thứ hai (1883) ra sao? Xin xem một đạo mật-dụ (1) của vua Thanh Quang-tự hạ cho đình-thần hồi đó, ta sẽ có thể biết được chút ít ý-kiến về cách hành-quân của tướng Cờ Đen Lưu - Vĩnh-Phúc ở Bắc-kỳ lúc bấy giờ.

Đạo dụ ấy tạm dịch ra quốc-văn như sau này :

«Hoàng-thượng dụ rằng: Người Pháp đã cùng nước Việt-nam đình ước, tất phải lấy danh - nghĩa là khu trục toán quân của họ Lưu còn đóng ở xứ Bắc-kỳ làm đầu, tất nhiên họ sẽ đem quân bức-bách tới biên-giới tỉnh Điền - việt của ta.

« Hiện giờ toán quân của Lưu-Vĩnh-Phúc đã lui đóng ở Sơn-tây, cách Hà-nội không xa. Vậy dụ cho Từ-Diên - Húc sức lệnh cho Lưu phải kịp tiến quân mà quy phục lấy thành Hà - nội, không được lui binh. Còn tỉnh Bắc-ninh là nơi quân ta đóng chắc ở đó, nếu quả quân Pháp có kéo đến bức đánh, thời phải tức khắc lệnh cho quân-sĩ hết sức kháng chiến, không được trễ-nải.

« Trước kia, Tả-Tôn-Đường có tâu về rằng : Nghĩ sức cho Vương Đức-Bảng phải điều mộ quân ở Quảng-đông kéo sang đóng ở biên-giới Điền - việt, và quyên thâu lương-nhu mọi nhẽ. Vậy dụ cho tuân chỉ thi hành.

« Hiện nay ở biên-giới Quảng-tây, việc biên-phòng sợ rằng binh-lực còn đơn-sơ. Nghe như Vương-đức-Bảng hiện còn chiêu mộ quân-nhu ở Vĩnh - châu. Nếu đã họp thành quân-đội, thời dụ cho Tả-Tôn - Đường phải sức ngay cho phiên-ti hạt ấy kịp kéo quân tới ngay ngoài biên-giới Quảng - tây, để kịp sự nhu-yếu của Tiết-chế Từ Diên-Húc. Bằng đợi sự quyên-nhu của Quảng - đông thì chậm quá, không thể giúp cho lúc đương cấp ấy được. Vậy dụ cho Tả-tôn Đường liệu mà trù-định, nhưng phải do tỉnh Giang - nam hết sức trù-bát, không được để thiếu ..

« Lũ Sầm-Dục-Anh trước có tâu về rằng : Quân Điền vẫn đóng ở Sơn-tây, đạn-dược tầu-bè có thể đủ giữ vững thành ấy, không rung động di-dịch được. Vả thành ấy cách Bắc-ninh không xa, tất phải cố giữ để làm thế ỷ-dốc. Đường-Quỳnh hiệu đóng quân trú phòng ở đó, phải tùy thời cơ mà điều hộ. Còn Tuần-phủ ở đấy chưa có chỉ dụ mà đã vội về tỉnh để đến nỗi trễ nải việc biên phòng, lỗi ấy không còn chối cãi được nữa. Vậy truyền phải cách hết chức, nhưng hãy để cho ở đó đợi xem sau này có làm được việc gì công hiệu không? Bằng lại lui gót không tiến lên được, thì phải theo phép trọng mà trị tội.

« Những dinh phòng của tỉnh Điền không được nhiều, khó bề chi sách. Dụ cho Sầm-Dục-Anh, Đường-Quỳnh phải mộ thêm vài dinh quân nữa, để cho được dày binh lực.

«Việc thông thương của các nước ở các địa phương, và người Pháp thông-thương cũng thế, phải nên tùy thời mà bảo hộ, đừng để xảy ra những sự nhỏ mọn, mà người ta vin lấy để làm cớ, khiến cho có hại đến nước ta. Thảng hoặc người Pháp có đem binh thuyền tìm vào bờ bến nước ta, thời phải nên chuẩn bị. Dụ cho Tả-Tôn-Tường, Lý - Hồng - Chương, Trương-Thụ-Thanh, Nghê-văn-Uất phải trù-tính cách bố trí, không được coi thường mà chậm chạp.

« Bến Thiên-tân gần với chốn kinh sư, có quan hệ rất lớn. Lý-Hồng - Chương đã trù-biện việc phòng hải mấy năm nay, triều đình cũng ỷ-trọng vào đó, mà thiên hạ cũng trách bị vào đó. Vậy phải gắng sức giữ gìn, không được còn có ý ủy thác cho ai cả.

« Nay đem mật dụ này báo cáo cho các nơi ngoài 600 dặm đều biết.

« Phải kính theo dụ này ».

BIỆT-LAM TRẦN-HUY-BÁ

(1) Theo sách Việt-sử bị khảo, do Quế-lâm Lưu Danh Dự biên-tập vào năm Quang-Tự thứ 21. Sách của viện Bác-cổ, số 1326.

Đón coi

Số xuân Tri - Tân

◆

Số xuân Tri-Tân là một tác-phẩm rất công-phu.

◆

Mỗi gia đình Việt-nam nên có một số xuân Tri-Tân.

SỐ 6

PHONG-ĐAO

— Chia loại và giải nghĩa —

HOA-BẰNG

Năm canh thì ngủ lấy ba,
Hai canh lo-lắng việc nhà làm-ăn

THỀ phú. Xưa ta chia ban đêm làm năm canh : canh một, canh hai, canh ba, canh tư và canh năm. Nên ta thường nói : « *Đêm năm canh, ngày sáu khắc* ».

Như trước đã nêu, dân ta có cái đức tính hoạt động, rất đáng quí. Hoạt động cả ngày, hoạt động cả đêm, chỉ trừ những giờ ăn ngủ. Có sống chung chạ với nông dân, ta mới nhận thấy những nỗi làm ăn vất vả nhọc nhằn của họ. Sớm dậy từ gà gáy, quấy quá ngấu nghiến ăn uống cho đủ lệ cái thói quen của dạ dày, rồi già có việc già, trẻ có việc trẻ, ai lo phận sự nấy : hoặc ra đồng làm ruộng, hoặc chăn trâu, hoặc cắt cỏ, hoặc dệt vải..., tới tấp hoạt động suốt từ gà gáy đến nửa đêm ! Cho nên họ khuyên nhau rằng mỗi đêm có năm canh, chỉ nên ngủ trong ba canh thôi, còn hai canh vào lúc chập tối và gần sáng thì nên hoạt động làm việc hoặc lo tính sinh kế gia đình, hoặc làm lụng công này, việc khác...

Chính tôi đã biết một chuyện : một nhà nông kia, vì thức khuya, dậy sớm, hoạt động một cách rất hăng, đến nỗi, có lần, dưới ánh đèn lù mờ, cả gia đình đã ăn một bữa cơm thồi lẫn hoa hòe mà không biết ! Nguyên nhà ấy vừa làm ruộng, vừa làm nghề nhuộm giấy vàng. Hôm ấy, dậy từ đầu canh năm, trong bóng nhá nhem, người ta cầm đấu đong gạo, chẳng ngờ trong đấu còn đựng ít hòe, thành thử cứ trộn cả hòe vào gạo mà thồi nấu. Sáng ra, thấy nồi cơm vàng khè, bấy giờ cả nhà mới biết rằng mình đã ăn một bữa cơm trộn hòe đắng !

◆

Mặt trời tang tảng rạng đông,
Chàng ơi, thức dậy ra đồng chẳng trưa !

Thề phú. *Tang tảng rạng đông* là lúc phương đông hãy còn mờ mờ, sắp sáng mà chưa sáng rõ, tức là trước khi mặt trời gần mọc.

Đây là lời người nông phụ đánh thức chồng dậy để làm công việc đồng áng.

Hằng ngày, vợ chồng gia-đình ấy cầy sâu, cuốc bẫm, hết sức hoạt động theo tư tưởng trọng nông.

Vì xưa chưa có đồng hồ như ngày nay, nên, ở nơi dân dã, người ta chỉ theo bóng mặt trời mà sinh hoạt : mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì nghỉ. (*Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức*).

Theo thói quen ấy, người nông phụ kia, khi thấy mặt trời mới rạng đông, đã lay tỉnh kêu gọi chồng ra đồng làm ruộng. Nàng lại không quên kèm thêm mấy lời giục giã : « Đi làm đi thôi ! Đừng chùng chình nữa, kẻo trưa bây giờ ! »

◆

Đom-đóm bay ra, trồng cà, tra đỗ.
Tua-rua bằng mặt, cất bát cơm đầm.

Thề phú. *Đom-đóm*, có nơi kêu là «đốm-đốm». Tháng hai Âm-lịch là mùa đom-đóm sinh-nở rồi bay ra. *Tua-rua* là một đám sao li-ti kết thành như hình bàn tay. Những đêm trời quang, mây tạnh, tua-rua thường mọc ở đằng đông, rồi lặn về đằng tây. Phong-đao còn có những câu nói đến tua-rua, như : « *Tua-rua đã đến đỉnh đầu, em còn đứng lại làm giàu cho cha ! Giàu thì chia bảy, chia ba, phận em là gái được là bao nhiêu !* »

Ý nói : nông-dân xem thời-vật mà lo cách hoạt-động trên trường sinh-sống. Thấy mùa đom-đóm bay ra thì liệu tính đến việc trồng cà, trồng đậu; thấy tua-rua mọc đã ngang mặt thì trở dậy thồi nấu rồi lo việc canh-nông.

Nhà nông, mùa nào việc ấy, thường thường hoạt-động không ngừng tay, như tháng giêng thì giồng củ-từ, tháng tư thì giồng đầu củ-cái, tháng chín thì giồng bầu, nên có những câu : « *Tháng giêng giồng từ, tháng tư giồng đầu* (củ cái) ». Và : « *Muốn ăn bầu, giồng đầu tháng chín* ».

◆

Vừa đi, vừa đợi, vừa chờ :
Nhanh chân thì kịp, lờ-đờ thì thôi !

Thề phú. Đây là lời người đi trước thúc-giục kẻ đi sau : phải hoạt-động, phải tiến-thủ cho kịp bậc tiên-tiến.

Ý nói : tôi đang nhanh chân bước trước đây, tôi cứ vừa đi vừa chờ-đợi, nếu anh có nhanh-nhẹn hoạt-động, cố-gắng tiến-thủ, thì mới có thể kịp tôi mà cùng nhau thích cánh chen vai được. Ví bằng anh chỉ lờ đờ lạch-đạch, không chịu hăng-hái tiến bước thì, ôi thôi, anh phải chịu tiếng đi sau bước muộn, lạc-hậu mãi mãi, chứ đừng còn oán trời, trách người gì nữa.

Xem tiếp trang 17

Tiếng dội của bạn đọc

Nói lời ông Hoa-Bằng : phải trọng khoa-học !

Quân tử vụ bản (Khổng Phu-tử)

KHOA-HỌC ! Hai tiếng ấy gợi ra trong trí ta hai tiếng khác : tiến-hóa.

Thế-giới ngày nay là thế-giới của khoa-học. Khoa-học đã đưa thế-giới lên một bước rất dài trên con đường tiến-hóa. Mà trên con đường ấy, nước Việt-nam ta đương ở một chỗ rất thấp ! Những người đã từng quan-tâm đến sự tiến-hóa nước nhà đều đi tìm những kẻ phản-động cuộc tiến-hóa ấy. Người ta thấy là bọn hủ-nho, trong lịch-sử cận-đại. Chính phải. Nên người ta đã nguyền-rủa, mạt sát họ nhiều : Rất chính đáng. Vì cái tội ấy quá to. Nhưng ta phải coi chừng, chớ để cho những tội-nhân kia lại quật dậy mà bảo ở lịch-sử cận-đại : « Các người nguyền-rủa, mạt-sát chúng tôi mà không chịu thử rờ lên gáy ! Lỗi chúng tôi, chúng tôi chịu. Nhưng các người cũng phải công-bằng với những kẻ có lỗi như chúng ta chứ ! »

Được sống ở thời-đại của khoa-học, giữa sự ùa-ập của những làn sóng tư-tưởng của cả thế-giới, thiệt đáng lấy làm buồn mà nghe câu chỉ-trích có lý trên. Vì thiệt ra câu ấy vẫn có ít nhiều sự thực : Kia hiện nay biết bao những người thiên trọng hư văn, biết bao những kẻ chỉ thờ chủ-nghĩa cá-nhân dật-lạc !

Thành thực mà nhận ngay đi. Dân ta một phần lớn có tánh lười, nhất là về đường tư tưởng, không chịu suy nghĩ, không chịu tìm cho ra cái gốc. Có thể nói : ở đời khoa học mà nước mình ít người có óc khoa học !

Không có óc khoa học, nên xưa ta chỉ học những cái «ngọn» của đạo nho, trọng từ chương phù phiếm ! Không có óc khoa học, nên ngày nay học tây, những bộ óc vu khoát ấy còn nguyên, chưa rửa gột được mấy : người ta đi về ban văn khoa nhiều hơn là những ban có tính-chất khoa học. Người ta chưa có óc thực-tế. Hạng trí-thức ít người có can-đảm làm những nghề bằng tay chân !

Vì vậy cuộc tiến hóa nước nhà mới chậm chạp. Nói một cách cho rõ-ràng dễ hiểu là vì người mình có những bộ óc « vụ mạt » mà không « vụ bản ».

Vậy có thể nói : người có óc khoa-học là người đã bắt đầu tiến-hóa. Muốn tiến-hóa phải có óc khoa-học.

HOÀI-CHI

Sách mới

Bản chí mới tiếp được :

1· Quyển *Redressement français et restauration annamite* (công cuộc chấn chỉnh quốc gia ở nước Pháp và khôi phục cổ-điển ở nước Nam) tức bài diễn thuyết của ông Phạm-Quỳnh, Thượng thư bộ giáo dục Huế diễn ngày mồng một tháng chín ta 20 Octobre 1941 có kèm bài đáp từ của quan Khâm sứ Grandjean.

2·) *Thi nghệ* lược luận về thơ và nghệ thuật làm thơ của ông Vân Hạc, dày 100 trang. Giá bán 0p.48

3·) *Nụ cười* loại sách hoa mai số 6 của ông Nam Cao, do nhà xuất bản Cộng lực in, giá 0p.10

4·) *Người bạn gái* tiểu thuyết của ông Thiếu sơn do nhà xuất bản Cộng lực in, giá 0p.80

5·) Hai chị em, tiểu thuyết của ông Nguyễn văn-Phúc, dày 160 trang giá 0p.68, do nhà Nguyễn-Du xuất bản.

Xin cảm ơn và vui lòng giới thiệu với các độc giả.

Tạp trở

Một bác-sĩ đáng khen

TRONG một bệnh-viện to-lớn nhất ở thành Athènes, ông Demetrios, một nhà giải-phẫu trứ-danh, một hôm, mổ một bệnh-nhân bị bệnh đau manh trường (appendicite) kịch-liệt.

Ngay giữa lúc đang mổ, bệnh-viện phát hỏa một cách dữ-dội lạ-lùng.

Còi báo-động kêu inh-ỏi, tất cả các bệnh-nhân đều chạy nạn nhưng bác-sĩ chẳng thể bỏ dở cuộc mổ-xẻ. Chẳng bao lâu, lửa đã bén tới buồng mổ, các ngọn lửa đã tạt vào các cửa và các nữ-khán-hộ cùng các người phụ-tá của nhà giải-phẫu vì chẳng chịu được sức nóng, phải sôn-sao chạy trốn.

Còn nhà giải-phẫu vẫn giữ được vẻ điềm-nhiên mà mổ cho tới lúc thật xong. Ông băng-bó cẩn-thận cho bệnh-nhân và sau rốt ông liền vác bệnh-nhân còn thiêm thiếp lên vai mà chạy thoát được khỏi buồng mổ lúc ấy đang biến thành lò than hồng.

Thật là một tấm gương chói-lọi về sự can-đảm trong nghề-nghiệp và đáng kính phục biết bao.

Messidor
Mạnh-Phan *dịch*

Kỳ sau :

Đọc « *Mực mài nước mắt* »
Phạm mạnh Phan

ĐỌC

« Nguyễn Trường-Tộ » của TỪ-NGỌC

KIỀU-THANH-QUẾ

« En fait de critique et d'histoire littéraire, il n'est point, ce me semble, de lecture plus récréante, plus délectable, et à la fois plus féconde en enseignement de toute espèce, que les biographies bien faites des grands hommes : non pas ces biographies minces et sèches, ces notices exiguës et précieuses, où l'écrivain a la pensée de briller, et dont chaque paragraphe est effilé en épigramme, mais de larges, copieuses et parfois même diffuses histoires de l'homme et de ses œuvres : entrer en son auteur, s'y installer, le produire sous ses aspects divers ; le faire vivre, se mouvoir et parler, comme il a dû faire ; le suivre en son intérieur et dans ses mœurs domestiques aussi avant que l'on peut ; le rattacher par tous les côtés à cette terre, à cette existence réelle, à ces habitudes de chaque jour, dont les grands hommes ne dépendent pas moins que nous autres, fond véritable sur lequel ils ont pied, d'où ils partent pour s'élever quelque temps, et où ils retombent sans cesse ».

Sainte Beuve — Portraits littéraires

NHỮNG giòng nhận xét về danh-nhân truyện ký trên đây của nhà phê bình hữu danh nước Pháp Sainte Beuve, thật là đầy đủ và quá cầu toàn !

Nếu cầu toàn như Sainte Beuve, tất chúng tôi không hài lòng được với quyển *Nguyễn Trường Tộ* của ông Từ-Ngọc. Vì chương đầu quyển sách biên tập về đời tư Nguyễn Trường Tộ hãy còn «giản dị» nhiều lắm.

Nhưng chúng tôi bằng lòng cái mỹ ý của ông Từ-Ngọc, trong những chương sau, nhắc nhở cho quốc dân ta nhớ lại những điều sáng suốt, đáng lẽ phải được Triều-đình bấy giờ hoan nghênh lắm, của một người Việt-nam hồi cuối thế - kỷ mười chín.

Nguyễn Trường Tộ — người Việt-nam sáng suốt sớm nhất ấy — vốn xuất thân nơi sân Trình cửa Khổng, nhưng không ưa thói « *nhàn cư* » của bọn hủ nho. Ông bảo : « *ngồi không chính là cội rễ của vạn điều tội ác* » (1), và rất chuộng những sự thực dụng.

Quản Tử bảo : « *Thương lẫm thực nhi tri lễ tiết ; y thực túc nhi tri vinh nhục* ». (Kho đụn đầy, sau mới biết tiết lễ, áo cơm đủ, sau mới biết vinh nhục).

Mạnh Tử cũng có câu : « *Dân vô hằng sản, tư vô hằng tâm. Ký vô hằng tâm, phóng thích tà sỉ, vô bất vi dĩ. Cứu tử bất thiệm, hề hạ trị lễ nghĩa !* » (Dân không tiền của thường (hằng sản), tất chẳng giữ được lòng thường (hằng tâm : lòng lương thiện). Đã chẳng giữ được lòng thường, dễ sinh ra phóng đãng gian tà, chẳng điều gì không dám làm. Muốn cứu cho khỏi chết còn chẳng đủ sức thay, lọ còn rồi đâu lo đến lễ nghĩa !)

Nguyễn Trường Tộ tuy không nô lệ cổ nhân, nhưng vẫn chủ trương theo cổ nhân : « ... Muốn dạy dân nhân nghĩa lễ tri tín, phải lo cho họ cơm no áo ấm đã » (2). «Gặp cơn đói khó cứu khỏi chết còn chưa kịp, còn nói gì đến lễ nghĩa. Cho nên xưa kia thày Mạnh nói điều nhân, thường phải dự vào *hằng sản*, đức Khổng nói điều tín cũng cho ấm no đã » (3).

Nhận xét như thế, rồi Nguyễn Trường Tộ « buồn rầu nhận thấy rằng các nhà nho học sách mà không hiểu nghĩa sách, vì theo kinh sử thì *các bậc đại thánh cũng rất trọng thực dụng*, chứ không chuyên về văn chương : như các vua Phục-Hi, Thần-Nông, Hoàng-đế bày ra đồ khí dụng, vua Nghiêu, vua Thuấn bày ra trăm nghề và chỉnh đốn sáu kho » (4).

Nguyễn Trường Tộ bảo : «...những người chỉ có tài văn chương, giỏi về lối *khai, thừa, chuyển, hợp*, giỏi về các dấu *bình, thượng, khứ, nhập*, thì chính làm no ấm mình họ còn chưa xong, huống chi làm no ấm cho người khác » (5).

Bọn hủ nho lười biếng, ích kỷ « khuyên nhau cứ học về môn văn chương, dù không có phận làm quan đi nữa, cũng khỏi phải ra lính như đàn bà, sẽ được thung dung tự tại » (6). Họ quên rằng : « Chỉ lấy một bài thơ, một lời nói hỏi có thể làm cho quân giặc thua được không ?

Nước ta hơn nửa thế kỷ trước, từ trong triều ra ngoài quận, từ thành thị đến hương thôn, đâu đâu cũng dẫy đầy những mối tệ đoan, chỗ nào cũng là một tình trạng hủ bại mục nát, cần phải cải tổ.

Nguyễn Trường-Tộ chẳng những là người sáng suốt thôi đâu, mà còn rất nhiệt-thành với nước nhà.

Thế nào là *nhiệt thành* ?

Ta đọc Sử-ký, đến quyển Lý tướng quân thấy chép :

« Lý Quảng đi săn, trông thấy tảng đá lù lù trong đám cỏ, tưởng hổ. Dương cung bắn, tên cắm phập vào tảng đá. Lúc lại gần xem, té ra là tảng đá chớ không phải cọp. Thử bắn lần nữa, thì không làm sao khiến mũi tên cắm phập vào tảng đá được. »

Xem đó đủ biết năng lực con người vô giới-hạn, không trình độ

Cùng các đại-lý

Mỗi khi các ngài làm relevé xin nhớ gửi trả lại cho cả các số báo còn lại về giả nhà báo để tiện sổ sách. Hiện bản chí cần mua lại số 4 và 5, nhờ các ngài viết giấy dán ở cửa hàng mua giùm cho. Hễ được nhớ gửi ra cho bản chí. Bản chí đa tạ các ngài lắm lắm.

TRI-TÂN

nhất định, chỉ tùy theo lòng nhiệt thành mà giới hạn và đặt trình độ thôi.

Ôi, động cơ nhỏ nhít, mà kết quả to tát làm sao.

Thế mới rõ: những bực anh hùng, hào kiệt, nghĩa sĩ, những trang hiếu tử, liệt phụ, trung-thần cho đến các nhà tôn-giáo, chánh trị, mỹ thuật, thám-hiểm, sở dĩ gây nên được những huân nghiệp *kinh thiên địa, khấp quỉ thần* đều nhờ ở lòng nhiệt thành cả.

Tây nho có câu : *Người đàn bà yếu thật, nhưng một khi làm mẹ thì rất mạnh.* Sở dĩ được thế là tình yêu con quá mạnh trong lòng người đàn bà. Thường nhật cam phận liễu yếu đào non, nhưng một khi vì con, người đàn bà rất khả dĩ chiếc thân trèo non vượt biển, lên thác xuống gành, bất chấp hùm beo ma quỉ. Khả quí thay lòng nhiệt-thành ấy nó biến đổi được trình độ tâm tánh con người.

Ngày xưa : Châu thọ-Xương từ quan đi tìm mẹ, Vì nhiệt-thành yêu mẹ ; Dự-Nhượng xả thân báo thù cho chúa vì nhiệt thành yêu vua ; Gia-cát Khổng-Minh bằng lòng « *các cung tận tụy* » cho đến trọn đời vì nhiệt thành yêu Lưu-Bị — người tri kỷ.

Chiến-quốc sách có chép chuyện một kẻ cướp giật vàng giữa chợ nước Tề, bị bắt lấy khẩu cung, nó bảo : « khi giật vàng, tôi chỉ trông thấy vàng, mà ngoài ra chẳng thấy một ai cả ».

Những bực anh-hùng, hào-kiệt, nghĩa-sĩ, những trang hiếu tử, liệt-phụ, trung thần cho đến các nhà tôn giáo, chánh-trị, mỹ-thuật, thám-hiểm trong khi theo chủ nghĩa, noi tới mục đích dễ thường cũng có quan niệm « chỉ trông thấy vàng mà ngoài ra chẳng thấy một ai cả. »

Lòng ái-quốc nhiệt-thành của Nguyễn-Tường-Tộ khác nào lòng yêu con mãnh-liệt của người đàn bà yếu đuối, khác vào lòng con yêu mẹ của Châu thọ Xương bỏ quan tước đi tìm mẹ. Nguyễn Tường Tộ đã chẳng có lần từ quan lui về quê hay sao ? vì quan niệm ái-quốc của mình là phải đâu trong tước phẩm triều đình ban cho (10).

Lòng thương nước nhiệt thành của ông phát-lộ đầy đủ trong bản chương trình cải tổ quốc-gia nó là mấy bài điều trần do ông lấy tâm-huyết, mài mực viết dâng triều-đình.

« Trong bài điều-trần gởi cho cụ Phạm Phú-Thứ nói về *Thiên hạ đại thế*, ông có một câu : « Ông Hàn-công xưa có nói : biết mà không nói là bất nhân, nói mà không hết lời là bất nghĩa. Nay tôi tuy ở chỗ giang-hồ mà lòng vẫn ở nơi đế-khuyết, lôi không nỡ trông nước nhà chia-xẻ, trăm họ lưu-ly, dù chức phận thấp-hèn, cũng chẳng ngại tỏ bày đường-đột » (11)

Chương-trình cải-tổ nước nhà của Nguyễn Trường-Tộ chú-trọng nhứt việc khuyên nhà vua đừng nghe lời bọn quan lại hủ-nho mà bế quan tỏa cảng, hãy mau mau mở cửa tiếp-đón người Tây-phương, học lấy cái hay cái giỏi của người ta. Ông lấy làm lạ rằng : « Nước ta từ xưa việc gì cũng bắt-chước theo Trung-quốc, sao việc giao-thông với các cường-quốc lại khinh thị như chưa hề nghe thấy ? » (12). Rồi ông dẫn chứng : « Nước Trung-hoa ở triều Minh vì phong-tỏa các cửa bể, nên bị người Âu đến đánh cho mấy trận kinh hồn. Nhưng từ triều Thanh người Tàu đã biết nhờ người Âu lập xưởng máy dạy trí xảo, chế đồ-đạc, đóng tàu-bè, mướn người Âu làm quan, để thay họ đi sắm các khí-cụ ; lại đặt đại-sứ ở các nơi, phái sứ-thần đi các nước lớn để mưu cái chước liên-hiệp dọc ngang. » (13)

Nhưng tiếc thay, những lời thức thời tiên kiến ấy chỉ như tiếng gào trong bãi sa-mạc ! Đến năm 1871, mấy tháng trước khi thọ-chung, Nguyễn Trường Tộ còn lo thỏa-hiệp cuộc tiếp-xúc Tây Nam. Thế mà chí không được toại, đến nỗi mang xuống tuyền đài niềm ân-hận không tan — bởi thấy không ai chịu nghe lời mình, để tâm đến tấm nhiệt-thành của mình !

Nguyễn Tường-Tộ trọn đời « *các cung tận tụy* » với nhà nước, nhưng không được hân-hạnh như Gia-cát Khổng-Minh gặp người tri-kỷ, cho hả tấm lòng nhiệt-thành ! Thế nên « tục truyền trước khi ông mất, ở ngực có một cục cứng không tan ; khi đã khâm liệm rồi, có một người bạn đến khóc ông và than-thở tiếc cho chí lớn ông không đạt được, thì tự-nhiên thấy máu thấm ra ngoài vải liệm, cái cục cứng lúc bấy giờ mới vỡ. Có lẽ chăng đến lúc từ trần, ông còn uất-ức vì lòng ông không ai hiểu thấu » (14).

Câu chuyện kể cũng huyền-hoặc. Nhưng ngẫm kỹ thì không phải là lạ, nếu ta nhớ tới câu chuyện cải-táng vua Lê Chiêu-Thống, một ông vua khốn đốn nhứt trong các vua Việt-nam. Sử chép rằng « khi đào đất lên để cải táng mả Cố quân, thì thấy da thịt đã tiêu cả, chỉ còn có quả tim không nát, vẫn đỏ như thường » (15).

KIỀU THANH QUẾ

---

1. *Nguyễn Trường Tộ*, trang 62.

2. Nguyễn văn Từ - Ngọc : Nguyễn Trường-Tộ, trang 70.

3, 4. Lời nói của Nguyễn Trường-Tộ trong tác phẩm Từ-Ngọc, trang 70-71.

5. *Nguyễn Trường-Tộ*, trang 79.

6. *Nguyễn Trường-Tộ*, trang 33.

7. *Nguyễn Trường-Tộ*, trang 106-107

8. *Nguyễn Trường-Tộ*, trang 114.

9. Đoạn này bắt chước một đoạn sách *Ẩm Băng* của Lương Khải-Siêu, danh sĩ Tàu.

10. *Nguyễn Trường - Tộ*, chương đầu.

11. *Nguyễn Trường-Tộ*, trang 22.

12, 13. *Nguyễn Trường Tộ*, trang 131.

14. *Nguyễn Trường-Tộ*, trang 26.

15. Trần Trọng-Kim, *Việt-nam sử lược*, quyển hạ, trang 129.

TÙY HỨNG

Đời vui

Nào có gì đâu? Một vở tuồng,
Một đôi mắt đẹp, ánh trăng suông,
Hoa hồng cười nụ bên song cửa,
Cũng đủ làm tiêu vạn nỗi buồn.

Từng cao, trong rậm, nhạc chim vang,
Qua những vườn sương nắng chảy tràn.
Ai rắt hạt châu lên lá biếc,
Để làm choáng mắt cả trần-gian?

Vạn vật cùng chung một ý yêu:
Bướm say hương dậy, gió nâng điều.
Đò về bến cũ, chim về tổ,
Người lại gặp nhau ở quán chiều.

Tôi hái hoa đồng nở dưới chân,
Tưởng đời là cả một mùa xuân.
Đông về hay hạ, hay thu đến,
Tôi chẳng buồn qua lấy một lần.

BỬU-KẾ

Thế-kỷ tàn-tạ

Một thế-kỷ đang mờ trong khói lửa
Cả toàn-cầu quằn-quại cảnh hôn-mang;
Ánh sáng trên đời còn đâu chói nữa!
Than ôi, nhân-loại đến bước điêu-tàn!

Bóng dương đã tắt sau đồi vàng nghệ;
Ánh cuối-cùng là vĩnh-biệt trăm năm.
Muôn loài sẽ tiêu-điều theo thế-hệ:
Còn gì đâu! cả nước với chim ngàn!

Không-gian chứa sẵn một mầm phá hoại;
Địa cầu ngún lửa ở tận thâm tâm;
Đất sẽ tung ra muôn ngàn mảnh vụn
Giữa những ngày gió thét với mưa cầm.

Làm sao cứu nổi cảnh đời hấp-hối!
Mỗi chiều bảng-lãng buông ánh nắng vàng
Là triệu-chứng của đời tàn đương trôi,
Của đời sắp về giai-đoạn hồng-hoang!

THÚY - MINH
Blao, Aout 1941

Dấu xưa

Nước xanh một dòng, tháp cao vài ngọn;
Lòng rung không bến, biết ngừng nơi nao!
Biết nơi nao hồn tử-sĩ?
Phất-phơ qua còn thấy dấu xưa nào?
Đường mòn quạnh-quẽ,
Tay người chia-rẽ,
Xưa nay ai bước đã trùng ai!
Gió mưa có mòn dấu xưa?
Có làm tan-hoang lâu-đài?
Hết thôi còn ai viếng thăm!
Rồi đây muôn năm,
Khói dâng hương trầm,
Dấu xưa âm-thầm...

XUYÊN-HỒ

Giăng đông

Cơn gió rét thổi bay vạt áo đụp,
Khách lữ hành bước vội quãng đồng không.
Vừng giăng bạc trơ trơ trên giời sám,
Tưới sáng mờ lạnh lẽo xuống đêm đông.

Lũy tre đen nằm dài xa tít,
Ngang lưng chân, sương phủ trắng bông bông.
Mấy cây gạo gió xương bên đường cái,
Một quán tranh trống trải nép bên sông.

Đường thăm' thẳm lần xa trong sương giá,
Sông ngòng ngoèo, thuyền vắng, nước mênh mông.
Khách lữ hành cứ đi, đi không nghỉ,
Giăng trên đầu, lẳng lặng vẫn theo trông.

CÁCH-CHI

TẢ - QUÂN LÊ - VĂN - DUYỆT

NHẬT - THAM

LÊ văn - Duyệt là một thượng tướng đã có nhiều chiến - công oanh liệt trong các trận chúa Nguyễn-Ánh đánh nhau với Tây Sơn vào cuối thế-kỷ thứ 18.

Quán tại Mỹ-tho (Nam-kỳ) Lê xuất thân từ yêm hoạn ngay lúc thiếu thời, đã theo chúa Nguyễn Ánh đi tị nạn, giữ chức thái-giám, dự các cuộc chiến đấu. Sự thắng bại với nỗi hiểm ách đã giúp Lê một bài học kinh - nghiệm về chiến lược vốn sẵn thiên-tài, lại thêm khối óc thông minh, chẳng bao lâu Lê được cử cầm quyền Đại-tướng đánh nhau với Tây-sơn Rồi từ đấy cho đến khi cuộc chiến-tranh kết liễu, luôn luôn Lê đi tiên-phong, xông-pha tên đạn, treo gương dũng-mãnh cho quân đội soi chung. Ngoài ra, Lê lại lấy điều nhân xử dân nên được lòng quần chúng. Nhờ thế mà số dân theo về với Nguyễn không phải là ít.

Chúa Nguyễn-Ánh khởi binh từ Gia-định xưng vương, sau nhiều cuộc thất bại, nhờ đức cha Bách-Đa-Lộc đem các tướng sĩ Pháp và khí giới sang giúp, nên thế lực mỗi ngày một mạnh.

Tháng giêng năm Tân-dậu (1801) Nguyễn Vương sai Lê văn-Duyệt cùng Võ di nguy đem thủy quân vào đánh cửa Thi nại. Võ trúng đạn chết còn Lê ra sức xung-đột, đốt được cả tàu và thuyền của Tây-sơn, chiếm được cửa Thi nại. Sau lại hạ được thành Bình-định.

Tháng năm (1801) Nguyễn vương đem binh ra đánh Phú Xuân. Tiền quân đánh không lợi, vương phải sai Lê văn-Duyệt và Lê-Chất đem thủy-binh đánh tập hậu, mới chiếm được đồn Qui sơn, rồi thẳng đường tiến đánh thành Phú xuân.

Quân Tây sơn tan vỡ. Nguyễn Triều thu phục được đô thành.

Trần Quang-Diệu và Võ Văn Dũng đương vây thành Qui nhơn, được tin Phú xuân thất thủ, liền sai tướng đem quân ra cứu. Nhưng, ra đến Quảng nam, gặp quân Lê văn Duyệt kéo vào đánh chặn đường, quân Tây sơn phải lùi trở lại.

Tháng 3 năm Nhâm tuất (1802), quân Tây sơn bỏ thành Qui nhơn.

Tháng 5 (1802) Nguyễn vương sau khi thu phục được từ sông Linh giang vào đến Gia định, bèn lên ngôi đặt niên hiệu là Gia long.

Vua Gia long định ngự giá đi đánh Bắc hà, bèn sai Lê văn Duyệt và Lê Chất lĩnh bộ binh cùng thủy binh hai mặt cùng tiến.

Đi đến đâu, quân Tây sơn chưa đánh đã tan. Chỉ trong một tháng đã lấy được Thăng long và toàn hạt Bắc hà.

Vì có nhiều chiến công rực rỡ như thế, nên Lê văn Duyệt được thưởng tước quận công chức tả quân.

Vua Gia long lại phong Lê văn Duyệt làm tổng-trấn Gia định thành, thống trị cả năm trấn Phiên - can (địa hạt Gia định) Biên - hòa, Vĩnh - thanh (Vĩnh long và An giang Vĩnh tường và Hà tiên.

Trong mấy năm làm Tổng-trấn Gia-định, Lê có quyền tuyển-bổ các quan - lại, có quyền tiền trảm, hậu-tấu. Thực là một cái đặc ân của vua Gia-long ban cho một vị công-thần đã bao phen vào sinh ra tử! Để giúp việc Tổng-trấn, có một vị phó Tổng-trấn đôi khi quyền-nhiếp sự-vụ và tại các trấn lại chia ra phủ, huyện, châu, có các quan tri-phủ, tri-huyện, tri-châu, coi việc cai-trị.

Bao nhiêu quyền-chính ủy-thác cho một vị võ-tướng, chắc vua Gia-long đã từng biết tài thao-lược của Lê Văn-Duyệt, một cái tài không những chỉ đủ điều binh khiển-tướng, mà lại còn có nhiều đặc-sắc về chính-trị nữa.

Vì vậy, trong khi cầm vận-mệnh thành Gia-định, Lê vẫn luôn nghĩ đến tình dân vừa qua cơn binh lửa, nên hết sức mở-mang trong xứ. Lòng người ai cũng kính-phục. Uy chấn tứ phương.

Trước, vua Chân-lạp vẫn thần-phục vua Tiêm-la.

Đến năm Đinh-mão (1807), Nặc-Ông-Chân bỏ Tiêm-la về thần-phục vua Việt-nam.

Em Nặc-Ông-Chân là Nặc-Ông-Nguyên, Ông-Lam, Ông-Đôn muốn tranh quyền của anh, mới sang cầu-cứu Tiêm-la. Nặc-Ông-Chân chạy sang Tân-châu, dâng biểu cầu vua ta cứu viện.

Năm Quý-dậu (1813), vua Gia-long sai quan Tổng-trấn Gia-định-thành là Lê - văn-Duyệt đem hơn một vạn quân đưa Nặc-Ông-Chân về nước.

Quân Tiêm-la không dám kháng-cự. Lê bắt phải rút hết quân khỏi thành Nam-vang, trả lại Nặc-Ông-Chân các kho-tàng cung-điện trước, khi về nước.

Nước Tiêm-la lưu quan giữ tỉnh Battanbang lấy cớ để đất ấy phong cho các em Nặc-Ông-Chân. Lê đưa thư sang trách, quân Tiêm mới chịu rút về.

Lê dâng sớ xin xây thành Nam - vang và La-lâm. Xây xong, Nguyễn Văn-Thụy cùng 1000 quân ở lại bảo-hộ Chân-lạp, còn Lê thì lên đường về Gia-định.

Năm Kỷ-mão (1819), vua Gia-long thăng-hà, thọ 59 tuổi, trị-vì 18 năm. Vua Minh-mệnh nối ngôi.

Năm 1830, Lê Văn-Duyệt xây xong thành Phan-an : Xây toàn bằng đá ong, thành cao và rộng, chung quanh có hào sâu.

Vua Minh-mệnh sùng đạo Khổng Mạnh, nên không ưa đạo mới, mới nghiêm-cấm và trừng-trị những người theo đạo Gia-tô.

Sắc lệnh ban-hành năm 1825. Lê vốn là người cương - trực, xét đạo Gia-Tô không có hại gì cho dân mà những người theo đạo gia-tô không có gì đáng trách. Vả, Cha Bá Đa-Lộc là người có công giúp Nguyễn-triều khôi-phục giang-sơn, nên Lê không chịu thi-hành lệnh cấm truyền đạo Gia-tô tại Nam-kỳ.

Lê vốn là quan võ, tính-khí nóng nảy, lắm khi giữa triều-đình, tấu-đối không được hợp-thể, nên vua Minh - mệnh vẫn không hài lòng. Chỉ vì Lê là một vị khai quốc công - thần, cho nên nhà vua cũng phải làm ngơ, không quở-trách.

Tới khi Lê văn Duyệt mất, vua Minh-Mệnh bãi chức Tổng trấn Gia-định và đặt chức Tổng-đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Án-sát, Lãnh binh như các tỉnh ngoài-bắc.

Nguyên trước Nguyễn-văn-Khôi, người ở Cao-bằng, khởi binh làm loạn, bị quan quân đánh đuổi, bèn xin ra thú. Lê văn-Duyệt tin dùng, nuôi làm con nuôi, cho lấy theo họ Lê mà gọi là Lê văn-Khôi, đem về Gia-định, phong làm phó-vệ-úy.

Bấy giờ Bạch-xuân - Nguyên là một người tham-lam tàn-ác, làm Bố-chánh Phan - an, muốn trị bọn đầy-tớ Lê Văn-Duyệt. Lê văn - Khôi bèn tự xưng làm Đại-nguyên-súy, họp đảng Thái-công-Triều để chống nhau với Triều-đình, Quan quân vất-vả non 3 năm trời, mới hạ được thành Gia-định, bắt giết 1831 quân giặc, đem chôn một chỗ gọi là « Mả Ngụy » còn thủ phạm thì đóng cũi đem về Kinh trị tội.

Bình xong giặc Lê văn Khôi, vua Minh-mệnh sai phá thành Phan-an, xây lại chỗ khác và xuống chiếu truy tội Lê văn-Duyệt.

Vua Minh - mệnh sai quan Tổng đốc Gia-định đến mộ-địa Lê-văn-Duyệt san phẳng làm bình-địa và khắc bia đá ; «*Chỗ này là nơi quyền-yêm Lê-văn-Duyệt phục-pháp* » để chính tội danh kẻ đã khuất và tỏ phép nước răn kẻ quyền gian muôn đời.

Còn người thân-thuộc của Lê đều bị khép tội trảm giam hậu.

Du - khách qua thành Gia-định chắc không quên tới viếng hương-hồn một vị khai-quốc công thần của triều Nguyễn : Lê-văn-Duyệt.

NHẬT-NHAM

Những ông Nghè triều Lê

Tiếp theo trang 5

3. — Lương như-Hộc người ở xã Hồng-lục, huyện Trường-tân (Gia lộc), đỗ thám hoa năm Đại bảo nhâm tuất (1442), làm quan đến đô ngự sử. Hai lần vâng mệnh đi sứ. Lúc về dậy dân hai xã Hồng lạc và Liễu chàng học nghề chạm khắc ván in : đến nay dân hai xã ấy vẫn thờ làm tiên sư. Ông có biên chép bộ *Cổ kim chế từ tập*. Thọ tám mươi hai tuổi (theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 4 a, và *Đại Nam nhất thống chí* (Tự Đức), *Hải dương tỉnh*, sách viết của Bác-cổ, số A 69, tờ 64 a).

(*Còn nữa*)

Ứng Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Décembre

Tiếp theo và hết

2, tháng một, năm Tân-tỵ, thứ sáu, 19 Décembre 1941

Ngày nay năm Quí-dậu (21-12-1873) Đại-úy Francis-Garnier bị tử trận ở Ô Cầu-giấy.

3, tháng một, năm Tân-tỵ thứ bảy 20 Décembre 1941

Ngày nay năm Canh-tý (1540), Mạc Đăng-Dong tự trói mình, đến cửa Nam-quan xin hàng nhà Minh bên Tàu và xin dâng năm động ở Kim-sơn và La-phù (Quảng-yên, Bắc-kỳ).

4, tháng một, năm Tân-tỵ chủ nhật, 21 Décembre 1941

Ngày nay năm Mậu-ngọ (1918) vua Khải-định xuống dụ bỏ lối khoa-cử cũ ở Trung-kỳ.

5, tháng một, năm Tân-tỵ thứ hai, 22 Décembre 1941

Ngày nay năm Quí-dậu (1873), quan Phó-Sứ Nguyễn Văn-Tường và Đại-úy Philastre đi tàu D'Estrées đến Cửa-Cấm (Hải-phòng) định lên Hà-nội điều-đình cái việc lôi-thôi ở Bắc-kỳ.

6, tháng một, năm Tân-tỵ thứ ba, 23 Décembre 1941

Ngày nay năm Quí-dậu (1873) hơn 500 viện-binh Pháp ở Nam-kỳ ra tới Hà-nội.

7, tháng một, năm Tân-tỵ thứ tư, 24 Décembre 1941

Ngày nay năm Quí-dậu (1873) Hải-quân Đại-úy Testard du Cosquer lên thay Đại-úy Francis-Garnier thống xuất thủy, bộ binh-mã Pháp tại Bắc-kỳ.

8, tháng một, năm Tân-tỵ thứ năm, 25 Décembre 1941

Ngày nay năm Kỷ-tỵ (1509), Giản-tu-công Oánh, cháu vua Lê Thánh-Tôn đốc-suất thủy bộ binh mã đánh vua Lê Uy-Mục ở núi Thiên-kiện (?)

9, tháng một, năm Tân-tỵ thứ sáu 26 Décembre 1941

Ngày nay năm Canh-tuất (10-12-1910), đúng 10 giờ rưỡi, ông Vam-Den-Born cưỡi chiếc tàu-bay « Farman » bay ở Sài-gòn. Đó là cuộc bay trước nhất ở nước Nam.

10, tháng một, năm Tân-tỵ thứ bảy 27 Décembre 1941

Ngày nay năm Quí-dậu (29-12-1873) quan Phó-Sứ Nguyễn Văn-Tường và Đại-úy Philastre đến Hải-dương.

11, tháng một, năm Tân-tỵ chủ nhật 28 Décembre 1941

Ngày nay năm Quí-dậu (30-12-1873), quân Pháp đóng ở Hải-dương được lệnh rút cả về Hà-nội và giao trả thành-trì lại cho quan ta cai-trị.

12 tháng một, năm Tân-tỵ thứ hai, 29 Décembre 1941

Ngày nay năm Giáp-thìn (1725), ngày sinh cụ Hải-thượng Lãn-ông.

13, tháng một, năm Tân-tỵ thứ ba, 30 Décembre 1941

Ngày nay năm Tân-dậu (14-12-1861), quân Pháp chia binh làm 4 đạo tiến đánh tỉnh Biên-hòa (Nam-kỳ)

14, tháng một, năm Tân-tỵ thứ tư, 31 Décembre 1941

Ngày nay năm Đinh-hợi (1287) quan trấn ải biên-thùy là Trịnh-Triền phi báo về Trần-triều rằng giặc Nguyên bên Tàu lại sang quấy rối.

HẾT

Long-điền NGUYỄN VĂN-MINH

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Đã phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ,... đều-phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng thức được hết cái hay, cái đẹp của thơ... Giá 0p.48

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, *khác hẳn các sách, báo* TẾT *từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bầy, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-đềm của ngày* TẾT *và của mùa* XUÂN.

Có ăn TẾT *với* «TRĂM HOA» *mới hưởng được hết các thi-vị của ngày* TẾT. *Gia-đình nào cũng phải có* «TRĂM HOA» *trong ngày* TẾT (*Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ*).

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ - ĐIỂN

Giấy thường	2 p. 80
Giấy bouffant	3 80
Giấy bouffant bìa vải chữ vàng	5 00

(*Loại sách giấy bouffant dành cho các bạn đặt tiền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán*).

Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ - XÃ

16 bis Rue Tiên Tsin Hanoi

Nam - dương quần - đảo

NHẬT-NHAM

NAM-DƯƠNG quần-đảo, gồm có các hải-đảo Sonde (Java), Madoura, Sumatra, Bornéo, Célèbes, Bali, Lombok, Florès, Timor, Moluques, Nouvelle Guinée, vân vân ở khoảng giữa Á-châu và Úc-châu, về miền nam Thái-bình-dương.

Diện tích 19 triệu cây số vuông và dân-số 607 triệu người (trong số đó có 24 2500 người Âu). Nam dương quần đảo trước kia là thuộc địa của Bồ-đào-nha, mãi đến năm 1600 mới thuộc về Hà-lan.

Người Hà-lan chiếm được một phần to trong các đảo Nam-dương, chung quanh quần đảo thuộc Hà-lan có Malacca về phía bắc, bể Toulou gần miền nam Phi-luật-tân về phía nam, Thái-bình-dương về phía đông, Ấn-độ-dương về phía tây.

Trong số hải đảo của Hà-lan, có hai đảo Madoura và Java là quan trọng hơn cả, với 13 vạn cây số vuông và 41 triệu dân. Còn ngoài ra gồm 177 vạn cây số vuông và 19 triệu dân.

Người ngoại quốc đến Nam-dương quần-đảo buôn bán rất nhiều : nào Âu-mỹ, nào Hoa-kiều, nào Ấn-độ, nào Ả-rập, nào Nhật-bản, vân vân.

Nam-dương quần đảo đứng giữa chỗ ngã ba đường giao-thông các nước Âu-mỹ và Viễn-đông, cho nên người các nước đến đó rất đông. Vả, trong xứ, ruộng đất phì nhiêu, nông sản đã nhiều, mà lâm sản cũng lắm.

Nông sản chia làm hai hạng :

1.) Ruộng đất do người ngoại-quốc cày cấy, hằng năm sản-xuất nhiều thứ như đường, cao-su, trà, cà-phê, thuốc lá, vỏ làm rượu quinquina, dầu dừa, hàng năm xuất cảng một số quan trọng ;

2.) Người bản xứ cũng có xuất cảng nhiều thứ như gạo, ngô, sắn, khoai lang, dầu dừa, đồ gia-vị, bông...

Lâm sản gồm có các thứ gỗ quý như gỗ mun và gỗ lim.

Nghề chăn nuôi cũng rất phồn thịnh. Trong xứ hàng năm sản-xuất có tới 73 vạn ngựa, 3991 nghìn bò, 323 nghìn trâu, 916 nghìn lợn, 326 vạn dê, do đó mà số da trâu, da bò xuất cảng rất nhiều.

Nam-dương quần đảo lại có nhiều khoáng sản như thiếc ở hải đảo Bangka, và Billiton ; than ở Sumatra, Bornéo ; vàng bạc ở Célèbes, Sumatra ; dầu hỏa ở Moluques.

Theo chính sách mở rộng cửa cho hàng hóa ngoại quốc được tự do nhập cảng, chính phủ Nam dương đánh thuế nhập-cảng cũng như sản-vật bản-xứ xuất-cảng, không phân biệt nặng nhẹ, không miễn trừ gì cả.

Nhờ chính sách đó, việc buôn bán tại Nam-dương quần đảo ngày thêm thịnh vượng.

Ngoài ra, các thương gia ngoại-quốc đến đó còn được tự do hợp thành đoàn thể thương-mại. Các hội buôn ngoại quốc cũng được coi như các thương-đoàn bản-xứ, không phải chịu một thứ thuế ngoại phụ nào cả.

Vì vậy, người ngoại quốc di cư đến quần đảo miền Nam-dương, lập nhiều đoàn-thể để khai các mỏ hoặc mở nhiều ấp doanh-điền.

Nhờ thế, nền kinh tế trong xứ rất phát-đạt.

Nam-dương quần-đảo, ngoài những thuộc-địa khác của Hà-lan, là một xứ không những giàu về nguyên-liệu, mà lại còn có quan-hệ về chiến-sự với cái vị-trí ở miền nam Thái-bình-dương.

Mấy năm vừa qua, Nam-dương quần-đảo rất chú-trọng đến việc phòng-thủ, lập nhiều cơ-quan và tăng lực-lượng về việc quốc-phòng. Năm mới rồi, dự chi một số tiền bằng một phần tư ngân-sách để tăng sức phòng-thủ... Số lính mộ thêm nhiều hơn các năm trước. Chính-phủ Nam-dương quần-đảo mua nhiều phi-cơ, chiến-cụ tối-tân, lại tăng số tuần-dương-hạm, diệt-ngư-lôi và tàu ngầm, tổ-chức hải-quân, lục-quân và không-quân biệt-lập hẳn đối với chính-quốc, mà hiện nay, xứ Nam-dương quần-đảo cũng vẫn chú-ý đến việc phòng-thủ để giữ vững địa-vị trong Thái-bình-dương.

Cuối năm 1939, Âu-châu gặp nạn chiến-tranh, một cuộc chiến-tranh khốc-hại kéo dài mãi tới ngày nay chưa kết-liễu !

Nay Hà-lan đã thuộc quyền nước Đức là một nước trọng hiệp-ước tam cường. Đứng trước thời-cục, các cường quốc thế-giới đều chú-trọng đến số-phận Nam-dương quần-đảo, là thuộc-địa Hà-lan : một tài-nguyên vô cùng-tận giữa Thái-bình-dương !...

Nhật từ lâu vẫn là khách hàng của Nam-dương quần-đảo. Nhật cần mua nhiều nguyên-liệu của

---

CÁC NHÀ ĐẠI LÝ vui lòng gửi trả nhà báo ngay các số báo còn lại từ số 1 đến nay.

Cảm ơn trước *TRI-TÂN*

Thống chế Pétain đã nói:

« Hỡi người Pháp và người « Nam, không lúc nào bằng « lúc này, phải nên cùng nhau « sát cánh.

« Pháp Việt đồng tâm là « điều cốt tử cho cuộc tương « lai của Đông-pháp ».

Sứ ấy, nên vẫn coi xứ ấy, là nơi căn-cứ để mở-mang kinh-tế miền Nam Thái-bình-dương cũng như Hải-nam và bán-đảo Mã-lai.

Tuy gần đây, cuộc điều-đình về kinh-tế giữa Nhật và Nam-dương quần-đảo đã gặp nhiều nỗi khó-khăn đến nỗi chưa có kết quả mỹ-mãn, nhưng Nhật không thể đứng yên mà nhìn. Vì thế Nhật quyết không để cho nước nào can-thiệp mà thay đổi tình thế ở Nam-dương quần-đảo.

Hiện nay, ngọn lửa chiến-tranh lan sang Thái-bình-dương. Chung quanh Nam-dương quần-đảo, mây đen bao phủ. Trong lúc Thái-bình-dương ầm ầm sóng gió, chẳng biết Nam-dương quần-đảo còn có thể giữ được nguyên tình-thế hay không?

Tương-lai sẽ trả nhời cho số-phận Nam-dương quần-đảo...

NHẬT NHAM

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại, thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Tin vắn hàng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Tại phủ Thống-sứ Hà-nội, đã có một cuộc hội-họp các đại-biểu thể-thao các tỉnh do Trung-tá thủy-quân Ducoroy chủ-tọa.

Chính-phủ Pháp giúp 10 vạn đồng vào việc dựng Đông-dương học-xá.

Các xe ô-tô, mô-tô, xe-đạp đi đêm phải có chụp che bớt ánh sáng của đèn.

Từ 14-12-41, Hội-chợ Hà-nội đóng cửa từ 5 giờ rưỡi chiều.

Dân Đông-dương giúp hơn 2 triệu bạc vào quỹ Cứu-tế nạn-nhân của chiến-tranh.

Bắt đầu từ 15-12-41, sở Hỏa-xa đã bãi bỏ mấy chuyến xe lửa.

Hội-đồng duyệt sách đã công-bố danh sách các tác-phẩm được phép dùng trong các học-đường Đông-dương.

Trong tháng Novembre 1941, Bắc-kỳ sản-xuất được gần năm nghìn tấn ngô.

Đông-dương không tổng-động-binh.

Đêm 11 Novembre 1941, hội Cercle Annamite Nha-trang đã tổ-chức một cuộc kỷ-niệm đệ nhất chu-niên vào dịp ngày giỗ Hàn-mặc-Tử. Ông Nguyễn-Đình có diễn thuyết nói về đời và thơ của nhà thi-sĩ ấy.

QUỐC-TẾ

Quan Tổng-Trưởng bộ thuộc-địa Platon mới được thăng-chức phó thủy-sư Đô-đốc.

Nhật-Đức-Ý đã ký hiệp ước liên-minh quân-sự đánh Anh-Mỹ.

Toàn-thể quốc-hội. Hoa kỳ đều tán thành việc tuyên chiến với Đức Ý.

Theo tin các báo hàng ngày về cuộc chiến tranh Nhật-Mỹ-Anh, thì tình hình hải-quân ở Thái-bình-dương hiện nay lợi cho quân Nhật.

Nga thắng ở mặt trận Mạc-tư-khoa và Anh thắng ở Bắc-phi.

Kính-cáo

Bản hội đã bốc xong 4 838 ngôi mộ vô thừa-nhận ở trang Bạch-Mai và đã quy cả vào một khu ở trang ấy.

Bắt đầu từ trưa thứ bẩy và ngày chủ-nhật 20 và 21 Décembre 1941 tức là mùng 3 và mùng 4 tháng một ta, bản-hội sẽ làm lễ hoàn thành và làm một tuần chay phả-độ cho vạn linh.

Vậy xin kính mời các chư vị hội-viên cùng khách thập phương từ-thiện xuống dự lễ cầu cho vạn linh được siêu sinh tịnh-độ.

Hội Hợp-Thiện lai-cảo

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng

học trong bộ

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'

漢文新教科書

soạn giả: LÊ-THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành-chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p 60 — Cước 0p 38

Đề cho: hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

Trước khi tranh giải thể-thao, phải nên sửa-soạn thế nào?

TỪ trước tới nay, biết bao lực-sĩ, võ-sĩ, cầu-thủ... đã sửa soạn những trận tranh đua thể-thao một cách rất cẩu-thả. Họ thường tới lúc «nước đến chân mới nhảy», cho nên có lắm người không chịu nổi các cuộc ganh đua, đến nỗi sau đó, phải mang bệnh vì đã cố dùng hơi sức quá độ. Họ tưởng nhầm rằng muốn cho mau khỏe trong một thời gian rất ngắn, thì phải tập gấp cho thật nhiều. Bởi thế mới có lắm người tập thái-quá trước những ngày tranh đua, không nghỉ một buổi nào, nên thường thấy lắm người phải bỏ dở cuộc thi, hay bị kém rất xa mà trong những ngày tập họ đều hi-vọng thừa sức để tranh giải một cách vẻ vang. Lại còn một hạng nữa liều lĩnh quá: một ngày tập những ba bốn buổi cốt để lấy lại sức cho những buổi chơi đêm. Nhưng nào có biết đến lúc nhập cuộc đua thì không làm sao theo nổi nữa, vì gân cốt đã lỏng cả rồi!

Ta không nên lấy làm ngạc-nhiên khi thấy một người «tuy có» luyện thể-thao mà lại hay ốm đau, thân hình hốc-hác, có những triệu chứng «nguy đến tính mệnh». Vì sao? Chỉ vì họ tập theo hai lối kể trên.

Muốn tránh những tai hại gây nên bởi tập thể thao không hợp phương pháp, ta phải biết qua về vấn đề sinh-lý và vệ-sinh một chút.

Phải biết rằng khi ăn no hay uống nhiều nước xong, nếu ra tập ngay cho «tiêu» thì chẳng mấy chốc ta phải thay dạ dầy khác. Vì lúc đó máu phải tụ nhiều ở dạ dầy để giúp cho sự tiêu hóa.

Trước khi nhập một cuộc đua, hay tập thường ngày, nếu ta không biết làm cho máu và các bắp thịt «cử động» dần dần đã thì có khi hoặc bị rách thớ thịt, sai gân cốt, hay ngất đi vì quả tim, nơi phát máu, phải làm việc mạnh quá và đột ngột quá.

Trong khi tập nếu ra nhiều mồ hôi, chớ có đứng vào luồng gió cho mát, kẻo có khi phải bỏ mạng tức khắc vì «bị lạnh». Những người cẩn thận tập xong, trước khi tắm, bao giờ cũng lấy khăn lau ráo mồ hôi, ủ quần áo cho ấm rồi mới đứng ra ngoài sân tiếp chuyện anh em thì không còn e sợ bị «gió» nữa. Nếu một khi tự-nhiên đang tập mà thấy người ngây ngấy và mồm hơi đắng, không còn có hứng thú đến chỗ bãi tập nữa, thế là trong cơ thể ta bị mỏi mệt vì tập thái quá rồi. Vậy ta phải nên liệu nghỉ một ít lâu. Nếu cố sức tập mãi thì quả tim ta sẽ to ra, tiếng đập không đều, lúc nhanh lúc chậm và có khi «nghỉ» đập là khác nữa. Về ác quả này, có đến 6 phần 10 các thiếu-niên tập thể-thao mắc phải chỉ vì không chịu nghe lời các huấn-luyện viên khuyên bảo. Vả bệnh ấy lại đến từ từ, không có một triệu chứng gì như các bệnh đau khác, cho nên ít người biết mà lo đề-phòng.

Trái tim của các thanh-niên có sức co rãn khéo lạ. Song nếu bị ứng dụng thái quá, nó có thể rãn ra mãi mãi không thôi. Như vậy sự phát triển của thân thể sẽ ngừng lại vì thiếu máu chạy vào các nguyên-tố và cơ thể. Đến khi biết mình mắc bệnh đau tim, thì than ôi, đã quá chậm.

Ta không nên chỉ trông đến dáng điệu, hình-thức và phần biểu diễn của sự vận-động, nhưng phải để ý trước nhất những kết quả về phần sinh-lý.

Mong anh em ưa tập các môn vận động nên cẩn thận, đừng quá cậy tài và sức lắm để tránh cho làng thể-thao Việt-Nam cái nạn thiếu nhân tài.

Hoa-nam PHAN-KỲ-NÔNG

Phong-dao

(Tiếp theo trang 7)

Đã sinh ra kiếp đàn-ông,
Đèo cao, núi thẳm, sông cùng,
quản chi!

Thề phú. *Thẳm* nghĩa là *thâm-u sâu thẳm. Cùng* nghĩa là *cùng-kiệt.*

Ý nói đã là tài trai, sinh ở đời, thì phải hoạt-động, mạo-hiểm, không hề lùi bước trước một trở-lực nào hết.

Vòi-vọi đèo cao ư? Cứ hoạt-động! Thăm-thẳm núi sâu ư? Cũng hoạt-động! Sông cùng, thủy tận ư? Vẫn luôn hoạt-động! Thế là bực đại-trượng-phu đối với bất cứ những nỗi gian-nan hiểm-trở gì cũng không quản-ngại, miễn sao cho khỏi thẹn với hai chữ «tu mi» và khỏi mang tiếng là hư-sinh trong vòng trời đất.

HOA-BANG

Hai cuộc biểu - diễn lớn

đã mở một kỷ-nguyên mới cho Đông-dương

HỘI-chợ, đuốc Thể-thao.. đó là hai cuộc biểu diễn lớn lao đã mở một kỷ-nguyên mới cho Đông-dương, đã ghi hai độ đường đáng kỷ-niệm vào lịch sử của Liên-bang, dưới dấu hiệu « Pháp Việt phục hưng » của nước Pháp mới.

Ngọn lửa chiến-tranh đã nổ bùng trên mặt biển Thái-bình-dương. Giải nước xanh lớn nhất của thế-giới chẳng còn xứng cái tên thái-bình. Nhưng Đông-dương vẫn sống yên-tĩnh, nhân dân chăm lo làm ăn trong phạm-vi riêng biệt của Đế-quốc để giữ tròn nhiệm-vụ là một phần tử trung thành, đồng-tâm.

Vì sau khi bãi chiến tháng Juin 1939, Đại Pháp không còn đánh « nước cờ » vào sự thắng bại của một cường quốc nào cả. Đại-Pháp chỉ lo sự phục-hưng cho đất nước, cho Đế-quốc. Bởi thế mới dựng nên một chương trình to rộng về kinh-tế, về thể-thao. Sự hưởng ứng nhiệt-thành của Đông-dương như thế nào, ta cứ trông vào hai cuộc biểu diễn lớn lao gần đây thì sẽ có một ý-niệm hài-lòng về sinh-lực của các dân tộc Đông-dương.

Từ Đế-Thiên cho tới Thăng-Long, xuốt một giọc dài hơn 2000 cây số, đâu đâu thanh-niên khỏe mạnh cũng hăm hở, vui vẻ dự vào cuộc rước đuốc, nêu một tấm gương sáng về sự đồng tâm hiệp-lực về thể-dục, và mở một kỷ nguyên phục-hưng cho phong trào cải-tạo nòi giống. Chúng ta có thể quyết rằng cuộc rước đuốc này sẽ có nhiều ảnh-hưởng sâu xa về giáo-dục quần chúng, về nghĩa đồng-tâm thống nhất nó ràng-buộc các giống người của Liên-bang Đông-dương.

Rồi lại từ Vạn-Tượng, Nam-Vang, Lục-tỉnh cho tới Trung-Bắc kỳ đâu đâu cũng đua khéo tranh tài về dự cuộc hội-chợ triển lãm mà quan Toàn-quyền đã phác định, mặc dầu gặp những lúc khó khăn của đương thời. Vì các nhà cầm quyền muốn biết rõ hết cái năng lực về kinh-tế của Đông-dương trong phạm-vi sinh sống tự lực mình. Sự biểu diễn về kinh-tế ấy đã đạt quá hi-vọng và nêu một bằng cứ hiển nhiên về công cuộc tốt đẹp của Đông-dương dưới sự dìu giắt khôn-ngoan của Đại Pháp.

Hai đại sự ấy đã chứng-tỏ thêm rằng nhân-dân Đông-dương vẫn tin cậy vào sự Bảo-hộ và vui lòng làm việc phận-sự một cách chu đáo. Đối với ngoài, Đại-Pháp có phải ký-kết thỏa thuận về phương diện phòng thủ, cốt là để giữ nguyên vẹn cho nền độc lập và kinh tế, nhưng không có ý khởi hấn, xung đột với ai cả. Đại-Pháp chỉ vì các dân thuộc địa mà làm tròn nghĩa vụ thiêng-liêng bảo hộ cho sự an-cư lạc nghiệp. Cho nên cái phương sách ấy chỉ là một sự tùy thời, một sự tòng-quyền. Nhân dân Đông-dương cũng thừa hiểu lẽ đó nên đã bình-tĩnh mà dự vào cuộc rước đuốc và hội-chợ triển-lãm, một lòng tin về con đường tương lai mà Thống-chế đã vạch sẵn cho Đế quốc cùng theo.

Cái nạn chiến-tranh đã nêu những gương ghê-sợ, tàn khốc cho thế-giới. Đông-dương tuy là cái « bao-lơn của Thái - bình - dương », nhưng vẫn được sống ngoài phạm vi lửa, sắt, thực cũng là một điều đại-hạnh của Trời cho. Đông-dương chỉ có hoài bão làm một cái « xưởng lớn » mà hai dân tộc Pháp Nam hợp tác một cách chặt chẽ, thân yêu. Đông dương không có trông mong về sự được thua của một cường quốc nào cả, và chỉ hiểu biết có một sự thực là làm tròn phận sự đồng tâm của một phần tử trong đế-quốc Pháp. Hai cuộc biểu diễn lớn lao gần đây đã chứng tỏ về sự thực ấy.

TRÚC-ĐỊNH

Mới xuất bản

MANUEL

de

CONVERSATION

en français et Annamite

của

MỄ DƯƠNG

Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu

ĐÔNG-TÂY

195, phố hàng Bông Hanoi

Hộp thư

Ô. Hồ Chử Quảng Ngãi. — Số 17 tôi gửi cho ông 2 lần : 1 tần 10 số ngày 4-10-41, 1 lần 5 số ngày 15-10-41. Ông mới tính giả tiền có 10 số. Lại ngày 23-10-41 tôi có gửi cho ông 2 số 1, 1 số 4, 1 số 7, 1 số 8, 2 số 9, 2 số 11, 1 số 13, 1 số 16, ông cũng chưa tính

Ô. Thịnh Vĩnh-yên — Cả hai lần nhà báo có tiếp được.

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ)

PHAN KHẮC-KHOAN viết

Các vai :

Chiêu-thánh hoàng-hậu	*(Lý Chiêu-Hoàng)*
Trần Thái-Tôn	*(Trần-Cảnh)*
Trần Thủ-Độ	*(Thái-sư, chú Trần Thái-Tôn, người đã bắt Trần Thái-Tôn bỏ Chiêu-thánh hoàng-hậu)*
Trần-Liễu	*(Anh rể Chiêu-thánh, người đã bị Trần thủ-Độ đem vợ gán cho Trần Thái-Tôn sau khi Chiêu-thánh bị giáng)*
1 Thị vệ	
1 Nữ tỳ	
1 Vị quốc-sư	*(chùa Phù-vân)*

HỒI THỨ NHẤT

Cảnh I *(Cảnh trong cung. Trần-Thái Tôn nói một mình. Chiêu-Thánh hoàng-hậu núp nghe)*

TRẦN-THÁI TÔN

Rực-rỡ quá, ngai vàng trong ánh rạng,
Uy-nghiêm sao lầu gác giữa bình-minh !
Nhưng lòng ta ray-rứt một u-tình :
Tìm không được trị-vì theo ý-nguyện.

Hương ân ái từ đây thôi hết quyện,
Đỉnh trầm rồi quạnh-quẽ khói lạm bay.
Một ngai vàng nào đủ được nồng say :
Lòng định hướng mà nẻo đà ngăn chắn.
Ai thấu rõ hồn ta càng uất hận ?
— Một vì vua, quyền thế cả muôn dân,
Lẽ nào điên vì một mối tình xuân ?

Nhưng ngán nhẽ, mười hai năm ân-ái,
Mười hai năm, mười hai năm nếm-trải
Đủ mùi say, vị ngát của yêu-đương,
Mà ai hay phút-chốc đảo cương-thường.

Ta nỡ phụ làm sao ? Ta nỡ phụ
Người trao gởi tình xưa, ơn-nghĩa cũ ?
Người ta yêu từ tám tuổi ngây-thơ,
Người ta yêu, yêu mãi đến bây giờ.
Đến bây giờ,
Ta không ngờ,
Mây âm-u, bão lớn nổi tình-cờ...

CHIÊU-THÁNH *(vào làm bộ tươi tỉnh, Trần-Thái Tôn giật mình gượng làm vui)*:

Xem thánh thể
Hôm nay bất thường chăng, có lẽ
Hay làm sao ? tiện thiếp thấy âu sầu.
Nguồn-cơn kia thiếp không rõ vì đâu ?

TRẦN THÁI TÔN

Không, hiền khanh hỡi,
Có những lúc giời xa mây gió nổi.
Mà, nơi đây cảnh vật cũng gây buồn.
Nước sông trôi, tuôn chảy tự trên nguồn
Nơi rừng núi hoang-vu ai thấu rõ ?
Trầm không thể cùng hiền khanh giải tỏ
Nỗi lòng buồn vô cớ buổi hôm nay !
Kìa khanh trông :
Trời hây-hây,
Đôi cánh nhạn chung bay...

CHIÊU THÁNH

Nhạn chung bay,
Nơi trời xa mây thắm nhuộm hây-hây,
Nhưng ai biết rồi đây cùng cách biệt.
Đôi nhạn sẽ chia trời bay mải miết...

TRẦN THÁI-TÔN

Không, khanh ơi,
Đôi nhạn rất chung tình,
Thề cùng nhau cùng chịu kiếp lênh-đênh.

CHIÊU THÁNH

Cùng chịu kiếp lênh-đênh.
Nhưng khi,
Nơi trời xa mây cuốn, gió lôi-đình ;
Đôi nhạn sẽ tơi bời chia-rẽ,
Nơi sương gió mênh-mang buồn quạnh-quẽ ;
Cánh chim trời nào phải sợi tơ đâu
Để cùng se, cùng nối cặp nồn đau.

TRẦN THÁI-TÔN *(im lặng)*

GHIÊU-THÁNH

Xin cúi lạy muôn trùng, tâu Thánh-thượng,
Thiếp đã rõ cơ-mưu người quốc-trượng
Thiếp đây đà quyết chí định hi-sinh...
Định hi-sinh
Trên đầu thơ vừa mười chín cái xuân xanh,
Định hi-sinh.
Mười hai năm duyên nghĩa ân tình
Mười hai năm, một niềm yêu thơ dại
Mười hai năm
Thiếp những tưởng còn lâu bền mãi mãi...

TRẦN THÁI-TÔN
Hiền-khanh ơi, Ái-khanh ơi,
Trẫm còn đương nấn-ná chẳng buông lời
Lời đâu tả nỗi lòng ta căm-tức ?
Lời đâu tả.., tim ta đương hầm hực ?
Lời đâu, lời đâu
Chỉ là lời suối lệ, tiếng dòng châu.
Ta chưa nỡ cùng hiền-khanh trao sự thực
Vì khanh ơi, lòng ta đương thổn-thức
Khanh vội-vàng, chi bấy, nỡ hi-sinh
Hi-sinh sao, mười chín cái xuân xanh ?
Không, khanh hỡi,
Trẫm thà quyết cùng khanh cùng chịu lỗi,
Còn hơn là...

CHIÊU-THÁNH
Còn hơn là
Cùng nhau đành phải rẽ chia xa ?
Nhưng quân-vương hỡi,
Chẳng chấp cánh cùng nhau tung gió nổi,
Thì đôi chim đành rẽ lưa chia bay.
Quân vương ơi,
Bận lòng chi đến nữa tấm thân này.

TRẦN THÁI-TÔN
Không, khanh hỡi,
Cơ-nghiệp ấy ta nào gây-dựng nổi !
Ngày xưa,
Khanh đã ngự trên ngôi cao vòi-vọi,
(Trần Thái-Tôn từ trên ngai bước xuống)
Hạ-thần nay, đâu dám vội vong ân.
Không, khanh ơi,
Thà cùng khanh làm một kẻ thường dân...

CHIÊU-THÁNH
Không, quân-vương, còn sơn hà xã tắc ?

TRẦN THÁI-TÔN
Nhưng còn cả một tên gian-hùng lão tặc.

CHIÊU-THÁNH
Thiếp lo cho tai vách mạch rừng,
Xin quân vương gìn-giữ hãy e chừng.

TRẦN THÁI-TÔN
Khi nghiệp đế không còn cao-quý nữa,
Thì gươm giáo cùng muôn vòng binh-lửa
Cũng không hề nao-núng được lòng ta ;
Lâu đài đây là một bãi tha-ma...

CHIÊU-THÁNH
Nhưng nơi đây là xã tắc sơn hà,
Là sinh-mệnh của thần dân tổ-quốc.

TRẦN THÁI-TÔN
Là tủi-nhục, là căm-hờn, nhơ-nhuốc...

CHIÊU HOÀNG
Là kiên tâm nhẫn-nại để anh-hùng,
Là hi-sinh cho vận-mệnh của non sông.

TRẦN THÁI-TÔN
Ta vẫn biết hi-sinh là vĩ-đại
Nhưng, ngựa lỏng giây cương, thuyền non bánh lái,
Ta khó lòng xây hướng chuyền phong-ba,
Tuy ngai vàng là riêng của hai ta.

Cảnh hai

(Vẫn những người ấy, thêm Trần Thủ-Độ)

TRẦN THỦ-ĐỘ
(nói một mình)
Một tay ta,
Gây-dựng cả sơn hà,
Đã se-kết đôi « giây » uyên đằm-thắm ;
Giây còn vững còn bền, ta biết lắm.
Nhưng cũng đành chia đứt mối lương duyên :
Bàn tay gang thề thẳng cả hoàng thiên ;
Tim già quyết nung rèn cho rắn-cứng,
Mong Trần-thị muôn năm còn đứng vững,
Để hiên-ngang,
Cao phất ngọn cờ vàng
Dưới vừng dương rực-rỡ ;
Mặc những tiếng hờn van và nức-nở
Trên ngai vàng và trong cả thâm-cung ;
Lòng ta khi đã định quyết không rung.
(Nghe tiếng Trần Thủ-Độ vào, Chiêu-Thánh vội lui ra)

TRẦN THỦ-ĐỘ
(Với Trần Thái-Tôn)
Kẻ hạ-thần
Xin cúi đầu bái tạ hoàng ân,
Việc tấu đã lâu rồi, xin Thánh-thượng
Hãy quyết thi hành ngay, đừng suy lượng.

TRẦN THÁI-TÔN
Trần thái-sư !
Lòng trẫm đà mang nặng khối sầu tư.
Ta không nỡ
Phụ tình xưa, quên nghĩa cũ
Thái-sư còn...

TRẦN THỦ-ĐỘ
Nghĩ lại chút nào chăng ?
Thần đã thừa trí-lự để kiêu-căng,
Hoàng-thượng khá yên lòng theo muội
Làm trai phải rèn lòng, nung chí-khí !

TRẦN THÁI-TÔN
Thái-sư còn
Nghĩ đến nghĩa quân-vương,
Thì cho ta gìn-giữ chút cương-thường.

TRẦN THỦ-ĐỘ
Giang-sơn là nghĩa cả,
Lòng mong-mỏi của thần đây chỉ thỏa
Những khi nào Trần-thị rất hiên-ngang,
Đời đời mong gìn-giữ vững ngai vàng.
Xin thánh-thượng ngự triều ra chính-điện
Để cùng với bá quan hội điện
(Trần Thái-Tôn cùng Trần Thủ-Độ đi vào)

(Còn nữa) PHAN-KHẮC-KHOAN

SỐ 4

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

NGUYỄN Bái thở dài, cau mày nói :

—Đã đành chẳng may cho ta. Nhưng ta lại thương cho Liên-Tường tiểu-thư : thoát tay ta mà bị chết đuối, tấm thân ngà ngọc làm mồi thơm cho đàn cá, thật đáng tiếc thay. Và tức thay cho ta. Giời xanh kia nỡ phụ ta đến thế kia ! Sao không cho ta cùng nàng xum-họp. Biết thế này, ta cởi bao ngay từ lúc nẫy... Ối Liên Tường em ơi ! Sao mà số chúng ta long-đong làm vậy !

Trần Ngũ ngồi nghĩ một lúc rồi nói :

— Bẩm công-tử, không phải tại giời, tại số gì cả. Chỉ tại người đấy thôi ! Tại một người !

Nguyễn-Bái hỏi ngay :

— Tại ai ? Tại ai ? mày nói mau !

— Bẩm công-tử, việc quan trọng về nhà con xin thưa...

IV

Trần-Ngũ nói lửng một câu, làm cho cả bọn nơm nớp lo sợ. Nó mang bao cói, bây giờ nó đổ tội cho ai mà chả chết. Thành thử từ đấy, ai cũng thin thít, không dám nói năng gì, chỉ áy náy lo cho thân mình. Ai cũng nghĩ rằng việc bí mật tất là ám chỉ một người nào trong bọn mình đây, nên nó không tiện nói ra. Còn Nguyễn-Bái cũng rất nóng ruột muốn biết ai là cái người đã phá tan sự vui sướng của hắn, đã đang tay rẽ thúy chia uyên để hắn phải khổ-sở thế này. Hắn mong mỏi biết tên, biết mặt để xả thây xé thịt con người ấy ra thì mới hả giận... Nhưng Trần-Ngũ nhất mực không nói, chỉ khất :

— Xin công tử cho về đến nhà đã. Việc quan-trọng và bí-mật lắm, nhỡ ra một tí là hỏng hết !

Về nhà vào phòng riêng, đóng cửa cẩn thận rồi, Trần - Ngũ mới hỏi lại Nguyễn-Bái rằng :

— Công-tử thử nghĩ xem có ai biết chuyện này và tức công-tử mà cho người đón đánh không ?

Nguyễn-Bái ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp :

— Không ! chả có ai cả !

Trần-Ngũ nói :

— Con nghĩ ra rồi, công-tử ạ ! Con chắc là tự Phan-công-Độ cả. Ta đi rồi, hắn biết ra mới sai bọn kia đuổi theo, hòng cướp lại, chớ nếu là quân cướp thật, thì chúng thấy quan thuyền tất phải trốn tránh chứ khi nào còn dám phạm đến ta. Công tử nghĩ có phải không ?

Nguyễn-Bái ngây người ra một lúc rồi mới chép miệng đập tay xuống án nói :

— Ừ mà thật ! Nếu thế thì tức cha chả là tức ! Căm cho Phan-Độ ! Giận cho Phan-Độ ! Một ly nữa ta đã bị hại về tay mi rồi, còn đâu ! Thù này tất không đội giời chung ! Ta phải báo thù cho mi biết tay mới được !

Luôn mấy ngày đêm, Nguyễn-Bái nằm nhà nghĩ mưu kế. Nhân hồi ấy có bọn Lê-Côn nổi loạn ở Kinh bắc, phản lại Mạc-vương, Nguyễn-Bái liền nắm lấy cơ hội ấy nói với cha vu tấu cho Phan-công-Độ tư-thông với giặc, âm mưu đánh đổ Cung-hoàng và Mạc-vương để lập vua khác. Mạc-đăng-Dung vốn tính đa nghi, lại thấy Phan-công-Độ là người có tiếng tăm, nên được lời tấu, Đăng-Dung cho thảo chế bắt liền.

◆

Tai hại cho Phan-công ! Họa vô đơn chí, những điều thảm thương thi nhau mà đến với thân già !

Sau khi nhà mất cướp, bọn gia nhân về đông đủ cả soát lại không thiếu một ai, chỉ thiếu có Liên-Tường tiểu thư, tìm kiếm mãi không thấy. Đến khi bới đống gio tàn, thấy đống sương vụn còn khét lèn lẹt, không biết gian kế của chúng đánh lừa, cứ yên trí là tiểu thư đã chết cháy rồi. Cả nhà than khóc, kể sao siết nỗi đau lòng. Phan công bèn cho người nhặt lấy dị hài khâm liệm tử-tế, táng tại bên hồ bán-nguyệt, rồi lập đàn làm chay siêu-độ cầu cúng suốt bảy ngày đêm.

Đàn vừa tan, Phan-Công vừa được ngày nghỉ ngơi cho khuây-khỏa nỗi buồn, thì có tin quan-quân đến, lão quan lại phải ra nghinh tiếp. Ba cái quan-thuyền đậu ở bến. Một toán quân cẩm-y đi sau, một quan Đô-sát, cầm cờ tiết phụng đem chế-chỉ của Hoàng-thượng vào nhà. Phan-Công lập-tức sai bọn gia-nhân bày án-thư và tự-khí ra giữa sân quay về hướng Bắc, đủ nghi-tiết để tiếp rước chế-chỉ, tuy ngài đã biết trước cái việc sắp xảy ra cho mình và đã buột miệng :

— Thôi, hỏng rồi !

Vẫn bình-tĩnh, ngài lấy áo triều phục và đội mũ đi hia, cầm hốt ra ngoài cổng đứng đợi. Đám quân đi rất nghi-vệ thong-thả. Đến cổng, Phan-Công quỳ lạy và dõng-dạc nói :

— Bái chúc Thượng quan giá lâm.

Viên Đô-sát không nói gì, tay cầm giơ cao lá cờ tiết, oai-nghiêm đi vào giữa sân ; toán cẩm-y ở-ạt theo sau. Đến chỗ án-thư, viên Đô-sát đứng dừng lại, dựng ngay ngắn cái cờ tiết và để chế-chỉ lên án. Phan-Công đến trước án, lạy bốn lạy, rồi quỳ đợi mệnh. Quan Đô-sát mở chế-chỉ ra, « è » một tiếng rồi tuyên đọc to lên rằng :

« Thừa thiên hưng vận,

« Hoàng-đế chế rằng :

« Việc chính trị cốt ở yên dân, kẻ thần-tử phải hết lòng vì nước. Trong bốn cõi mà một nơi có loạn, ai manh-tâm tất đúng lẽ chịu hình. Cứ nay nơi Kinh-bắc, có bọn Lê-Côn ngông cuồng bất đạo, phản lại quan-quân, cướp nạt trăm họ. Triều-đình đã cử tướng tiễu-trừ. Mà xem ra thủ mưu phiến loạn, ăn ở hai lòng, âm-mưu tiếm-vị lại chính là Phan-Công-Độ, vậy sai quan tróc nã hồi Kinh, tước hết phẩm-trật, tài sản sung công, để trừ mối lo sau. Khâm tai !

« Hoàng hiệu Thống Nguyên thứ sáu, tháng bảy, ngày... »

Viên Đô-sát tuyên đọc xong, Phan-Công run lẩy-bẩy, toát cả mồ hôi. Tức-thì bọn lính cầm-y sấn vào, nắm lấy ngài, lột áo ra và trói gô lại, mắc gông vào cổ và bỏ vào cũi, khiêng ra thuyền Còn ở trong nhà bọn lính khác đi kiểm-điểm đồ-đạc, vơ-vét hết của-cải. Đám gia-nhân thấy vậy, sợ-hãi chạy tán-loạn cả, đứa nào vớ được cái gì thì vớ. Phan phu-nhân và Tiểu-Lan — là con hầu thân-cận được coi như con vậy — cũng bị đuổi ra ngoài, chỉ mỗi người lấy được ít quần áo và ít tiền bạc để độ thân. Của-cải bị vơ-vét, đồ-đạc bị lấy hay phá hủy. Cái dinh-thự đẹp-đẽ kia phút chốc đã trở nên tiêu-điều tàn-tạ dưới gót chân bọn lính bất-nhân ! Cái vỏ ngoài xác-xơ ấy chuyển giao cho quan Phân-phủ ở Phố Hiến quản nhận. Thóc lúa, súc vật hết thảy trị giá ra tiền để quan Phân-phủ bán lấy tiền nộp vào công-khố.

Niêm-phong đâu đấy rồi, bọn quan-quân giải Phan-Công về kinh trình tấu, đem giam vào ngục tối bạn với gông gỗ và rệp muỗi, khiến cho già chẳng chét đời sau hơn ba mươi năm trên hoạn-đồ giúp nước.

Phu-nhân và Tiểu-Lan lần sang tận Kinh-bắc, tạm trú ở nhà người em họ tu ở chùa Giác-ngộ bên Phượng-nhỡn.

Than ôi ! Đất bằng nổi sóng, một nhà chia tan, nông-nỗi sinh ly, chỉ còn biết gào giời mà kêu khóc.

V

Liên-Tường tiểu-thư, từ lúc bị bắt nhét rẻ vào mồm,e nhốt vào bao cói, nàng đã hiểu rõ cả cái tai hại đợi mình. Với óc thông minh nàng biết ngay là bọn cướp này do Nguyễn-Bái gây ra để hòng chiếm đoạt lấy nàng bằng võ-lực ! Nghĩ thế, nàng định liều cắn lưỡi tự-tử để khỏi bị nhục vào tay đứa võ-lương ! Nhưng không được, bối rẻ đầy mồm đã ngăn cạn nàng làm theo ý muốn. Nàng đành nằm yên để cho nước mắt đầm đìa tuôn rơi !

Chợt thấy thuyền chòng chành hồi lâu rồi bao cói của nàng bị nhấc bổng lên, nàng tưởng mình đã đến lúc tận số ! Nhưng không. Với một đà nhảy mạnh « tòm » một cái, nàng đã chìm nghỉm dưới giòng sông ! Tự nhiên trái với ý nghĩ lúc nãy, nàng cố nhoai để mong sống sót, bối rẻ ở miệng vừa tung ra thì nước đã ùa vào, nàng cố ngậm miệng cũng không thể được. Giòng nước mạnh cứ cuồn cuộn lôi cuốn nàng đi, và đà nước mỗi khi run rẩy lại dồn nước vào miệng bắt nàng nuốt ừng-ực. Thành thử nàng càng cố gắng nhoai đạp, chống lại với nước, thì sức phản công của nước dập lại càng dữ-dội. Trong chốc lát, nàng chỉ còn là một cái thây người ngoan ngoãn trôi theo giòng nước cuốn và ba hồn chín vía đã tản mạn ra yen sông.

Trôi mãi, trôi mãi, sác Liên-Tường tiểu-thư vướng vào cái chài quẳng ngang sông của bọn thủy-cư đương làm việc buổi sáng, ngồi trên đầu mũi chiếc thuyền con cong ngược lên, một bác chài trẻ tuổi đang kéo chài lên thoăn thoắt, bỗng chùng tay lại và reo lên :

— Cá to lắm, anh em ơi !

Tức thời mấy cái thuyền khác đổ sô cả lại. Bác chài trẻ lại cố sức co chài lên đến lưng chừng thì hoảng hốt bỏ ngay ra, và thét lên rằng :

— Ối giời ơi ! Xác chết đuối !

Mấy người khác nói :

— Rõ khỉ ! Rũ chài cho nó trôi xuống đi !

Một ông cụ già đầu bọn ở đằng mũi thuyền vội chạy lại kêu !

— Ây phải vớt người ta lên ! Mau mau ! *Cứu nhất nhân đắc vạn phúc.* Người ta đến với mình mà không cứu là phải tội mấy đời kỉa đấy !

— Chắc chặc ! chà ! cụ chỉ vẽ. Vừa mới buông chài chưa được gì đã gặp ngay của nợ, có rông mình thì có !

Một người trẻ trong bọn nói thế ông cụ vội mắng gạt ngay :

— Mau vớt người ta lên xem ! Các anh chỉ được cái thế, trẻ người non dạ chưa biết gì thì phải nghe lời chứ Thế nào là *cứu phần, chứng nịch* (1) Cả bọn ùa vào vớt lên, một người reo :

— A, đàn bà ! con gái !

— Con gái à ?

— Con gái ! úi giời ! cô con gái đẹp quá !

Hoài của thế này mà chết đuối, thật phí một đời xuân xanh ! Tôi vớt cô lên, cô phù hộ tôi lấy được người đẹp như cô nhé !

Ông cụ gắt :

— Không được láo ! Vớt người ta lên thuyền, mau mau đưa vào bờ cứu cấp. Những người chết đuối mà hãy còn chìm là vừa mới chết còn có cơ cứu được. Mau chèo thuyền vào !

Mấy cái thuyền băng băng rẽ nước vào bờ, bỏ mặc chài vương phao đứng ở giữa sông. Ông cụ vuốt ngực ấn bụng, nâng tay, lay mũi người bị nạn. Tay ông lanh lẹn làm việc miệng ông nói như giảng cho mọi người nghe :

— Chỗ ngực còn hơi âm-ấm, may ra có thể sống được ! Chèo mau ép thuyền vào ! Cô ấy uống phải nhiều nước. Bây giờ phải sỉ nhau mà vac chạy mấy vòng cho nước nó hộc ra !.. Nào ép vào ! Thằng Cân mày khỏe, sốc cô ấy lên trước chạy đi...

Cân còn đương ngần ngừ. Một chàng trẻ láu tán nói ngay :

— Anh cố chạy đi, hễ cô ấy sống tôi gả cô ấy cho anh.

Còn nữa

1) Cứu người bị cháy, vớt người bị đuối.

Phê-bình văn-học

Tiếp theo trang 2

giả. Cho nên món phê-bình văn-học rất có quan-hệ đến cuộc thịnh, suy của nền văn-học.

Ở Âu-tây, nghề phê-bình đã sớm phát-hiện rồi. Bắt đầu từ thế-kỷ XIV, nhà học-giả Boccacio đã dụng công nghiên-cứu một cách sâu sắc, kỹ-càng, đối với các tác-giả của cận-đại, đã mở đầu cho nghề phê-bình.

Qua thế-kỷ XVIII, giáo-sư Gray cũng chú-ý đến món nghiên-cứu ấy trong khi ông đang ngồi ghế giảng-dạy văn-học cận-đại ở trường Đại-học.

Nhà học-giả Lessing là một tay phê-bình rất lão luyện. Những tác-phẩm của ông đã gieo một ảnh-hưởng lớn trong văn học giới Đức.

Trên trang văn-học sử Pháp còn in tên tuổi nhiều nhà phê-bình :

Trước Sainte Beuve (1804-1869), Boileau (1636 1711) đã phê-bình theo cái đích gồm hai ý : đặt ra những mực thước về nghệ-thuật và hứng-vị, phê-bình các tác-phẩm theo những mực-thước đó.

Cái quan-niệm phê-bình ấy còn tồn-tại ở đầu nửa thế-kỷ XIX. Người ta gọi nó là lối phê-bình độc đoán (critique dogmatique).

Khác với lối trên, Mme de Staël (1766-1817) theo lối phê-bình giải-thích (critique explicative) : khi phê-bình, thì diễn-dịch thay cho phán-đoán.

Nhưng lối phê-bình ấy không được trú-trọng mấy. Người ta kể đến lối phê-bình cảm thụ (critique impressionniste), lối phê bình khoa học (critique scientifique) và lối phê-bình độc-đoán hay định-lý.

Hai nhà phê-bình Taine (1828-1893) và Ferdinand Brunetière (1849-1907), đằng thì muốn cho thể phê-bình như người ta theo bác-vật-học, đằng thì có cái năng-lực ám thị rất mạnh, đều là những tay cự-phách trong phê-bình-giới Pháp.

◆

Người mình không phải là không có óc phê-bình. Mà nghề phê-bình không phải không chớm nảy từ sớm. Ngay như trong phong-dao, ta thấy lối phê-bình văn-học đã phôi-thai rồi :

Văn hay chẳng lọ đọc dài,
Vừa mở đầu bài, đã biết văn hay.

Và :

Có đỏ mà chẳng có thơm
Như hoa râm-bụt nên cơm cháo gì !

Ấy còn chưa kể những câu như « *hay thì khen, hèn thì chê* » và « *văn hành công khí* » là khác...

Thể văn phê-bình ấy tuy phác sơ mấy nét mà có ý-tứ vô cùng sâu-xa, mùi-mẽ vô-cùng mặn-mà đằm-thắm ! Nó, có thể nói, là thủy-tổ của lối phê-bình văn-học ở nước ta.

Tiếc rằng, về sau, vì lối học khoa cử làm cho nghẹt-ngòi, nên nó chưa có dịp bồng-bột phát-đạt lên được.

Mãi đến khi đụng-chạm với văn-hóa tây-phương, chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng Pháp, người cầm bút được viết theo những ý mình suy-nghĩ, không bị bó-buộc trong khuôn sáo trường-ốc, không phải nhắm mắt nô-lệ cổ-nhân, nên trong địa-hạt văn-học, phê-bình đã chiếm được một địa-vị riêng, đã gây được một lực-lượng đáng để ý...

Nhưng tương-lai nó đáng lạc quan hay phải bi-quan còn tùy ở những ngòi bút phê-bình hiện-thời chân-chính hay thiên-vị, có thực-tài hay chỉ phù-phiếm, mơ-hồ...

HOA-BẰNG

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, Phố hàng Bông, Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

MẸO CHỮ HÁN

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng cần phải xem

Giá 035 cước 0p.06

Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết (có trừ hoa hồng nhiều)

Ô - tô, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tin nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1·) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2·) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3·) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến, 200b Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-hưng-Tường 437 Ngã tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh. *Nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi*

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẫng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, môi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 78 Phố Hàng Bồ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Quat